

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

5

NƯỚC ÂU LẠC



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
TÔN NỮ QUỲNH TRẦN - PHAN AN
Họa sĩ
NGUYỄN ĐỨC HÒA - NGUYỄN TRUNG TÍN



LỊCH SỬ VIỆT NAM

BẰNG TRANH

TẬP 5: NƯỚC ÂU LẠC

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “Lịch sử Việt Nam bằng tranh” thực hiện Họa sĩ thể hiện: Nguyễn Trung Tín, Nguyễn Đức Hòa

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Nước Âu Lạc / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Tôn Nữ Quỳnh Trân, Phan An biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Đức Hòa, Nguyễn Trung Tín. - Tái bản lần thứ 1. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2012. 106 tr. ; 21 cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.5).

1. Việt Nam — Lịch sử — Triều nhà Thục, 257-208 trước công nguyên — Sách tranh . I. Trần Bạch Đằng. II. Tôn Nữ Quỳnh Trân. III. Phan An. IV. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh. 1. Vietnam — History — Thuc dynasty, 257-208 B.C. — Pictorial works.

959.7012 — dc 22
N973

LỜI GIỚI THIỆU

Có thịnh ắt có suy, ấy là quy luật từ xa xưa. Hùng Vương mười tám mải mê tiêu sấu, chẳng màng việc nước đã làm cho Văn Lang hùng mạnh năm nào bước vào suy vong. Nhưng có suy rồi ắt sẽ lại thịnh, An Dương Vương lên ngôi, hòa hợp hai bộ tộc Lạc Việt và Âu Việt, lập nên nước Âu Lạc.

Vào buổi ấy, do vẫn chưa có chữ viết, người Âu Lạc vẫn tiếp tục truyền tải những ước mơ, khát vọng thông qua những truyền thuyết vẫn còn mang đậm màu sắc huyền thoại, kì bí nhưng qua đó vẫn cho ta biết thêm nhiều điều về cuộc sống của người dân lúc bấy giờ.

Âu Lạc hùng mạnh, Âu Lạc phồn thịnh nên sẽ chẳng thể nào tránh được sự dòm ngó của phiên bang. Tần Thủy Hoàng cai trị cả một Trung Hoa rộng lớn vẫn ngó nghiêng về Âu Lạc. Nhưng Âu Lạc chẳng thiếu tướng tài, binh dũng để chiến đấu với kẻ thù, khiến cho kẻ thù phải khiếp sợ, võ mộng xâm lược nước ta.

Nhưng An Dương Vương lơ là cảnh giác, bởi My Châu nhẹ dạ cả tin, nước ta đã rơi vào ách thống trị của phương Bắc. Từ đây, một ngàn năm Bắc thuộc đen tối của dân ta đã bắt đầu.

*Những nội dung trên được truyền tải trong tập 5 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh** “Nước Âu Lạc” phần lời do Tôn Nữ Quỳnh Trân và Phan An biên soạn, phần hình ảnh do họa sĩ Nguyễn Đức Hòa và Nguyễn Trung Tín thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ xin trân trọng giới thiệu tập 5 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh**.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

An Dương Vương là vị vua lập nên Âu Lạc nhưng cũng chính là vị vua duy nhất cai trị nhà nước này. Âu Lạc cũng chính là nhà nước thứ hai trong lịch sử nước ta, sau nhà nước Văn Lang của các vua Hùng.

Lý Ông Trọng là một con người phi thường về tài năng lẫn vóc dáng. Tiếng tăm lẫy lừng, nhà Tần cũng phải nhờ đến sự giúp sức của ông mới trải qua nạn Hung Nô.

Chuyện tình My Châu – Trọng Thủy đã dẫn đến việc bắt đầu ách đô hộ của phương Bắc ở nước ta. Đây cũng chính là bài học cảnh giác, răn dạy mọi người phải luôn thận trọng, đừng quá nhẹ dạ, cả tin.

XÂY THÀNH CỔ LOA





Đến tuổi già yếu, Hùng Vương thứ mười tám sinh ra chênh mảng, ít lo việc nước. Thủ lĩnh nước Tây Âu là Thục Phán thường đem quân đến quấy nhiễu nhưng Văn Lang vẫn còn tướng mạnh quân khỏe nên đều đẩy lui được các cuộc tấn công ấy. Thấy thế, Hùng Vương lại càng coi thường, thường bảo:

- Ta có sức thần, nước Thục không sợ sao?

Và từ đấy nhà vua chỉ lo uống rượu, đàn hát, quên hết mọi sự phòng thủ cần thiết.

Thục Phán cho người dò la biết được tình hình ấy nên càng quyết chí chiếm lấy Văn Lang. Sau khi chuẩn bị binh mã hùng mạnh, vào năm 257 trước Tây lịch, Thục Phán đốc quân tiến đánh Văn Lang. Vua Hùng không để tâm vẫn thả nhiên uống rượu tràn be. Đến khi quân Thục ập được vào cung, vua Hùng đang còn say mèm không biết trời đất gì.

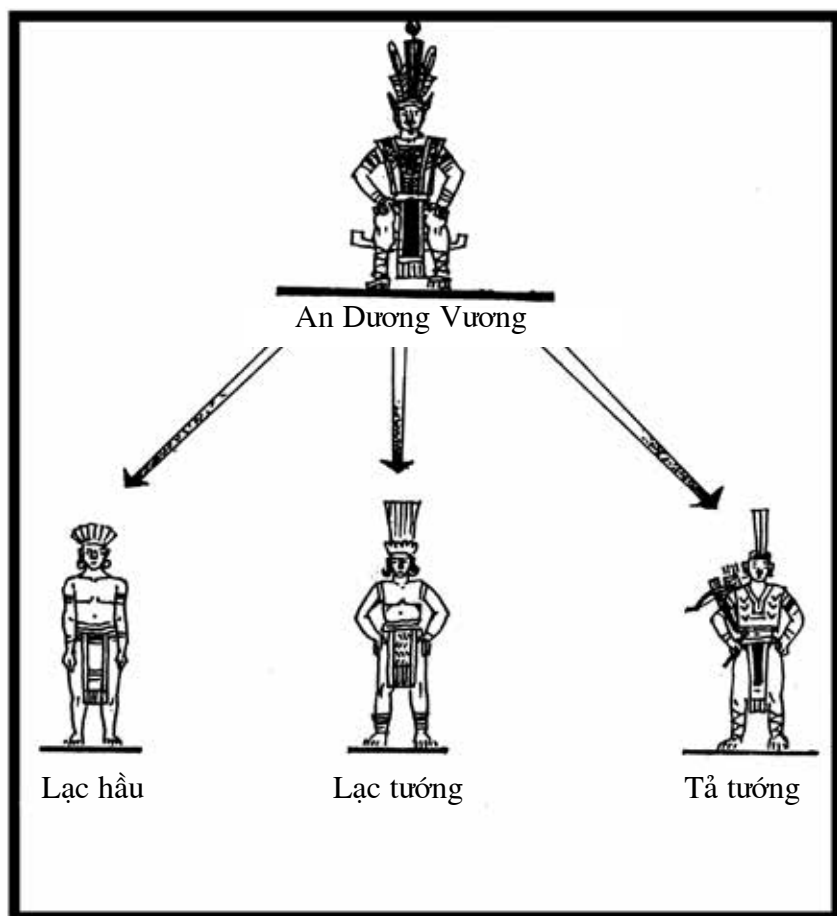
Lúc vua tỉnh được rượu cũng là lúc quân Thục đã làm chủ mọi nơi. Cùng đường vua nhảy xuống giếng tự tử.





Sau cái chết của vua Hùng, Thục Phán hợp nhất đất đai Tây Âu vào nước Văn Lang, lập nên Âu Lạc. Cũng cùng một dòng Bách Việt mà ra nên hai dân tộc Tây Âu và Lạc Việt hòa đồng vào nhau rất dễ dàng. Thục Phán lên ngôi vua lấy hiệu là An Dương Vương (Thục An Dương Vương), đóng đô tại Phong Châu, kinh đô cũ của các vua Hùng.

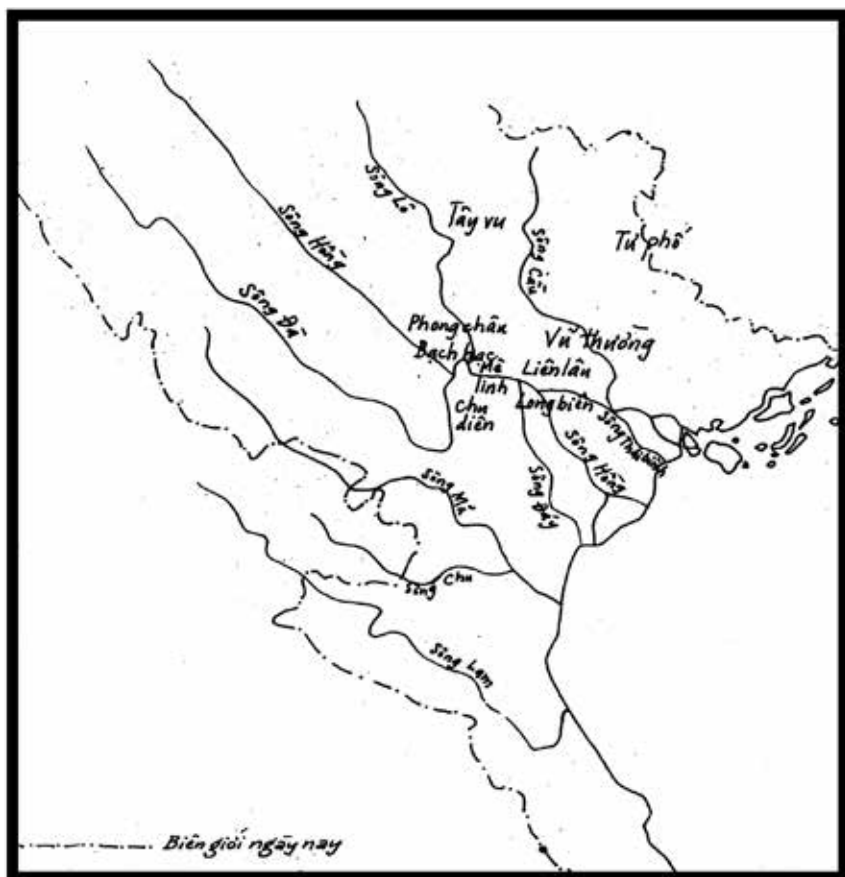
Tục truyền rằng khi lên ngôi, Thục Phán mới 22 tuổi và làm vua được 50 năm.



An Dương Vương vẫn giữ lại hàng ngũ các Lạc hầu, Lạc tướng đặt thêm chức Tả tướng để giúp vua trị nước. Trong các tướng có Cao Lỗ là người tài giỏi nhất.

Cao Lỗ quê ở bộ Vũ Thường (Bắc Ninh), vốn giỏi võ nghệ từ nhỏ và được dân chúng ở quê nhà gọi là Đô Lỗ. Khi lớn lên, ông theo An Dương Vương đánh đông dẹp bắc và được phong cho tước hầu.

An Dương Vương vẫn giữ tổ chức hành chính như cũ. Các bộ vẫn do các Lạc tướng chỉ huy và vẫn giữ quyền cha truyền con nối. Có khoảng 17 bộ, trong đó có các bộ nổi tiếng trong lịch sử như: Mê Linh, Long Biên, Tây Vu, Chu Diên, Liên Lâu, Tư Phố... Bộ Tây Vu là bộ quan trọng nhất của Thục Phán, nằm ở miền thượng lưu sông Lô. Dưới các bộ là các công xã nông thôn (làng) có Bồ chính đứng đầu. Các Bồ chính phần nhiều giàu có và được dân làng kính nể.



Bản đồ hành chính Âu Lạc



Lưỡi cày đồng

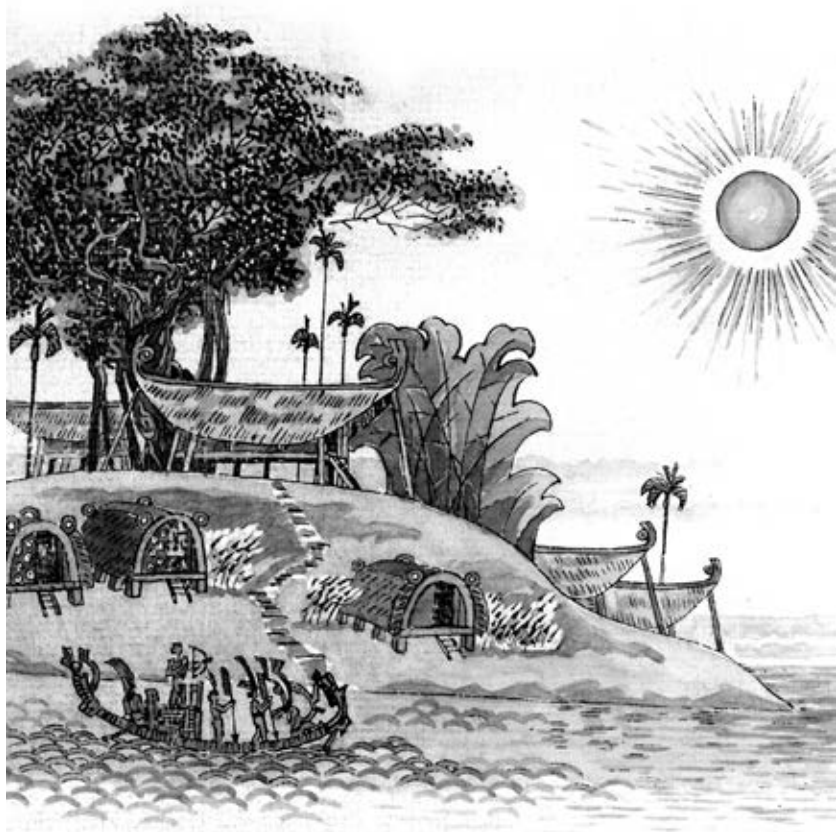
Dân số Âu Lạc ước chừng một triệu người. Cuộc sống của họ có phần sung túc hơn lúc trước. Mức độ phát triển xã hội có cao hơn và đã có người giàu kẻ nghèo. Họ vẫn giữ nghề đánh cá ven sông suối nhưng đã biết trồng mía ép mật làm đường, biết dùng trâu bò để kéo cày, đúc nông cụ bằng sắt để làm ruộng, làm vườn. Họ làm rẫy ở các đồi thoải, cấy lúa nước ở các ruộng trũng. Bao quanh các nhà sàn đã thấy xuất hiện các vườn cây ăn trái như chuối, cam, lê chi (vải)...

Đặc biệt là nhà nhà đều có vài gốc cau, vài dây trầu không, vì ăn trầu cau đã trở thành thói quen hàng ngày của dân Âu Lạc. Các gia đình đều nuôi gia súc như chó, gà, lợn, trâu. Có rất nhiều ngan ngỗng, nhưng cốt dùng lông để làm áo, gối, chăn chứ không phải để ăn. Dân Âu Lạc cũng đã cải thiện các nghề thủ công của mình. Gốm được nung với nhiệt độ cao hơn trước và trở nên chắc bền với nhiều kiểu hoa văn. Có hoa văn hình thù thô to, có hoa văn như sóng nước cuộn cuộn.



Họ còn biết nung ngói, nung gạch để xây tường, xây giếng, tuy chưa phổ biến lắm. Đàn ông vẫn còn đóng khố nhưng đã mặc áo. Đó là kiểu áo chui đầu hoặc cài cúc bên trái. Dân chúng thường đem thổ sản của mình trao đổi cho nhau. Dân Lạc có nhiều gạo, gốm, ngọc trai để đổi với dân Tây Âu giàu đồng, thiếc, sừng tê, ngà voi. Họ tiếp tục cuộc sống hồn nhiên của thời trước.





Sau khi ổn định việc nước, An Dương Vương cho dời đô về một vùng đất cao ráo nằm kề sông Hoàng Giang (ngày nay là Đông Anh, Hà Nội). Sông Hoàng Giang vốn là một nhánh của sông Hồng. Như thế, đất này vừa thông được đường thủy lại nhờ ở nơi cao nên tránh được lụt lội, thật là thuận tiện. Không bao lâu sau, vua hạ lệnh xây thành để bảo vệ kinh đô. Thế là hàng nghìn thợ thủ công, hàng vạn nhân công được tập trung để tiến hành việc xây thành.



Họ hì hục đào đất, khuôn đá, làm việc dưới nắng cháy mưa tuôn. Bức tường thành bao quanh kinh đô cao dần lên từng ngày. An Dương Vương vô cùng vừa lòng, định ngày khánh thành. Nhưng than ôi, ngày trọng đại chưa được định thì tai họa đã ập đến. Trong một đêm, một tiếng nổ long trời lở đất vang dội và sáng hôm sau, bức tường thành cao sừng sững chỉ còn là một đồng đất đá vụn nát.

Dân chúng bàng hoàng, An Dương Vương và quần thần ngỡ ngác tiếc công. Tướng Cao Lỗ vô đầu bứt tai, lệnh cho quan lại truy tìm nguyên nhân lập tức. Thật là uổng công. Nguyên nhân có được chỉ là những lời phỏng đoán vì chuyện xảy ra trong đêm tối khi mà mọi nhà đều đã rút cầu thang, yên ngủ. Đống đất đá nát vụn còn đó nhưng lại câm nín. Quan lại đi không lại trở về không.





An Dương Vương không nản chí. Vua ra lệnh xây dựng lại bức tường thành. Thế là mọi người lại cố sức làm việc. Lần này họ rút kinh nghiệm, xây phần nền móng bè rộng ra để đủ sức chịu đựng bức tường cao ngất. Tường thành lại cao dần lên theo hy vọng của dân chúng và của An Dương Vương. Nhưng rồi một đêm, tiếng nổ long trời lở đất ấy lại vang lên. Bức tường thành cao ngất hôm trước lại chỉ còn là đồng đất đá ngổn ngang.

An Dương Vương cùng tướng Cao Lỗ thân hành đến xem xét tại chỗ nhưng cũng đành chịu không tìm ra nguyên nhân. Vua lại cho xây thành và thành lại lở. Sau lần thất bại thứ ba, vua bèn cho lập đàn để cầu đảo trời đất phù hộ cho mình. Một hương án nghi ngút khói được lập bên bờ sông Hoàng Giang. Vua làm lễ tế long trọng. Bỗng thấy một ông lão phương phi, râu tóc bạc phơ từ hướng đông bước tới.



Ông lão tự xưng là thổ thần và bảo:

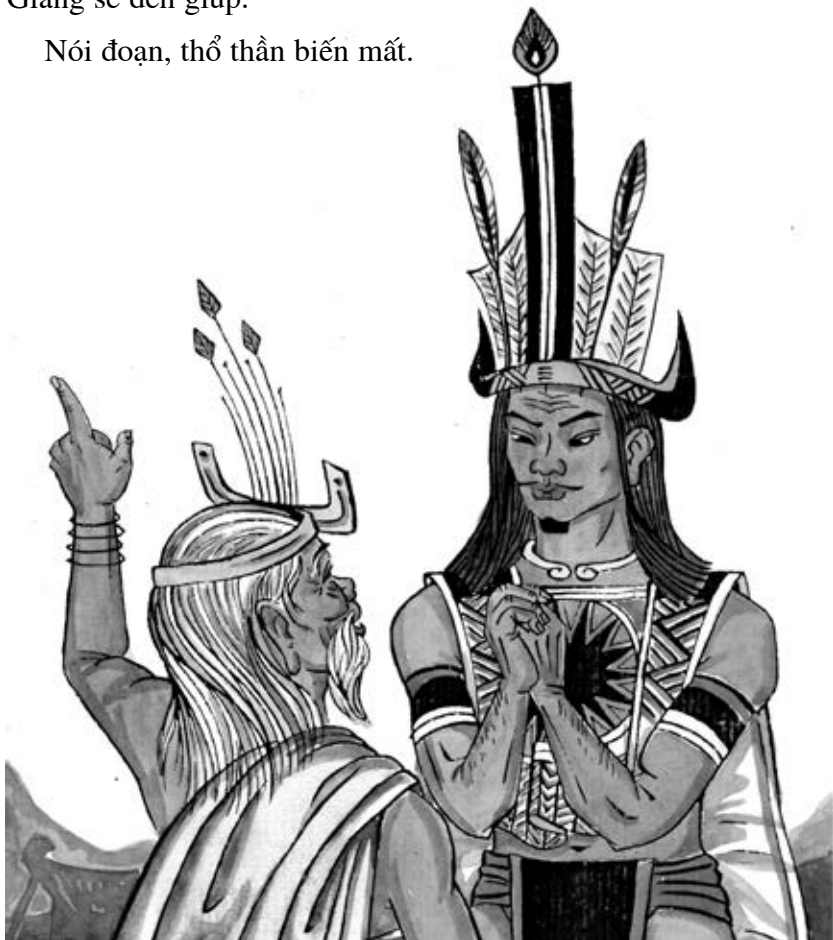
- Vua xây thành như thế này không bao giờ xong được đâu.

An Dương Vương lo âu trả lời:

- Ta đắp thành này đã nhiều lần bằng lở, tốn nhiều công sức mà không thành. Thế là có làm sao?

- Nhà vua đừng lo, ngày mai hãy ra bờ sông đợi. Sứ giả Thanh Giang sẽ đến giúp.

Nói đoạn, thổ thần biến mất.





Ngày hôm sau, nhà vua dậy sớm ra bờ sông đọi. Bỗng thấy từ đằng đông một con Rùa Vàng to lớn nổi lên bơi lại. Đến trước mặt vua, rùa bảo:

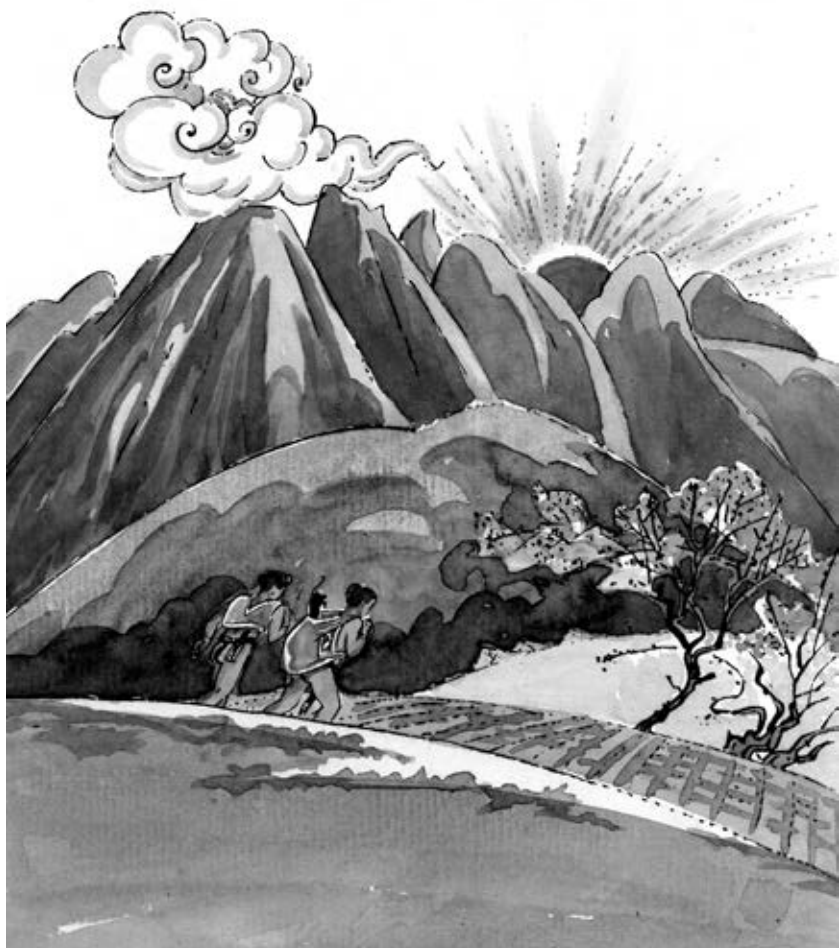
- Ta là thần Kim Quy và là sứ giả Thanh Giang. Ta đến giúp nhà vua xây thành đây.

An Dương Vương mừng rỡ, sai lấy chiếc mâm vàng sáng bóng long trọng rước thần Kim Quy vào cung hỏi cách xây thành.



Thần Kim Quy cho hay:

- Thành không xây được là do oan hồn của vua trước muốn báo thù. Có con gà trắng sống ngàn năm thành tinh ở núi Thất Diệu, thường ghé vào quán trọ gần chân núi để hãm hại người qua đường. Gà tinh biết khích oan hồn của vua trước và của các quân lính đã chết oan trong trận nhà vua tấn công Hùng Vương mười tám. Cho nên, hễ mỗi lần xây thành xong là gà tinh lại ngậm lá thư của các oan hồn bay lên cây chiên đàn, dâng cho nhà trời xin phá thành.



Nhà vua lo âu hỏi:

- Bây giờ phải làm thế nào?

- Vua đừng lo. Hãy sửa soạn cùng ta đến quán trọ. Ta sẽ thừa thế cắn rơi lá thư, nhà vua tức tốc nhặt lấy, ắt là mọi việc sẽ xong.

An Dương Vương nghe lời, cùng Cao Lỗ cải trang làm kẻ đi đường, đem theo thần Kim Quy, đến quán trọ gần chân núi Thất Diệu thuê ngủ qua đêm.



Chủ quán bảo hai vị khách:

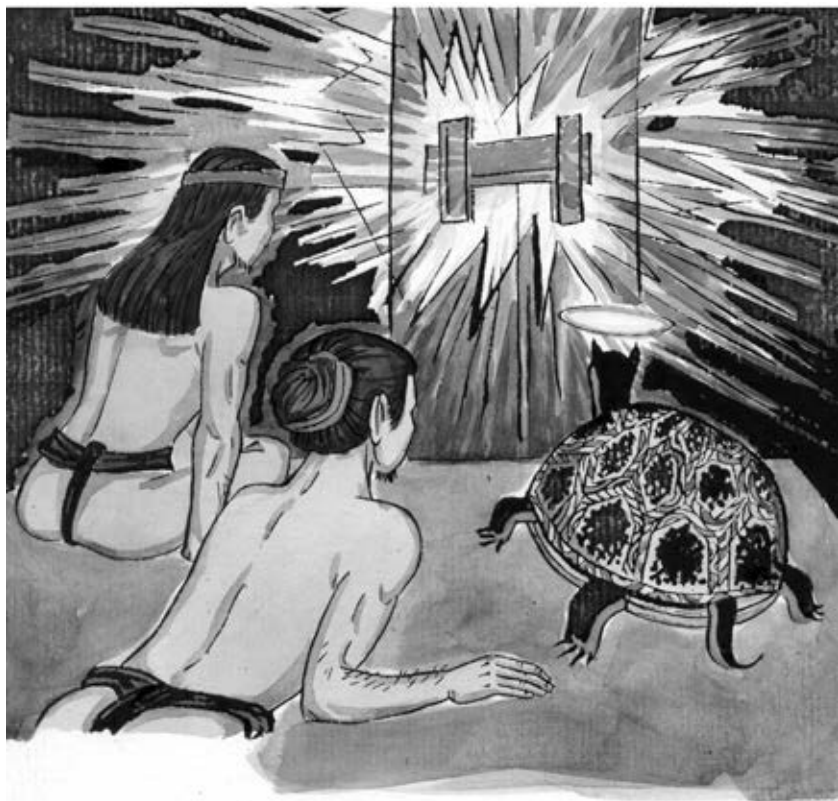
- Quán này có yêu tinh thường hiện về ban đêm để giết các khách trọ. Xin hai ông chớ nên ở lại.

An Dương Vương không hề lo lắng. Vua bảo:

- Ma quỷ làm gì được ta. Ta không sợ.

Thấy không thể cản được, chủ quán đành để hai người ngủ lại.





Đến nửa đêm, quả nhiên có tiếng la hét ở bên ngoài phòng của nhà vua rồi một giọng nói rền như sấm vang lên:

- Hãy mở cửa trời ra!

Đồng thời hàng loạt tiếng động ầm ầm va vào cửa dường như có một sức mạnh vô hình muốn tông cửa xông vào phòng.

Rùa Vàng lớn tiếng quát trả:

- Hãy đóng cửa đất lại!



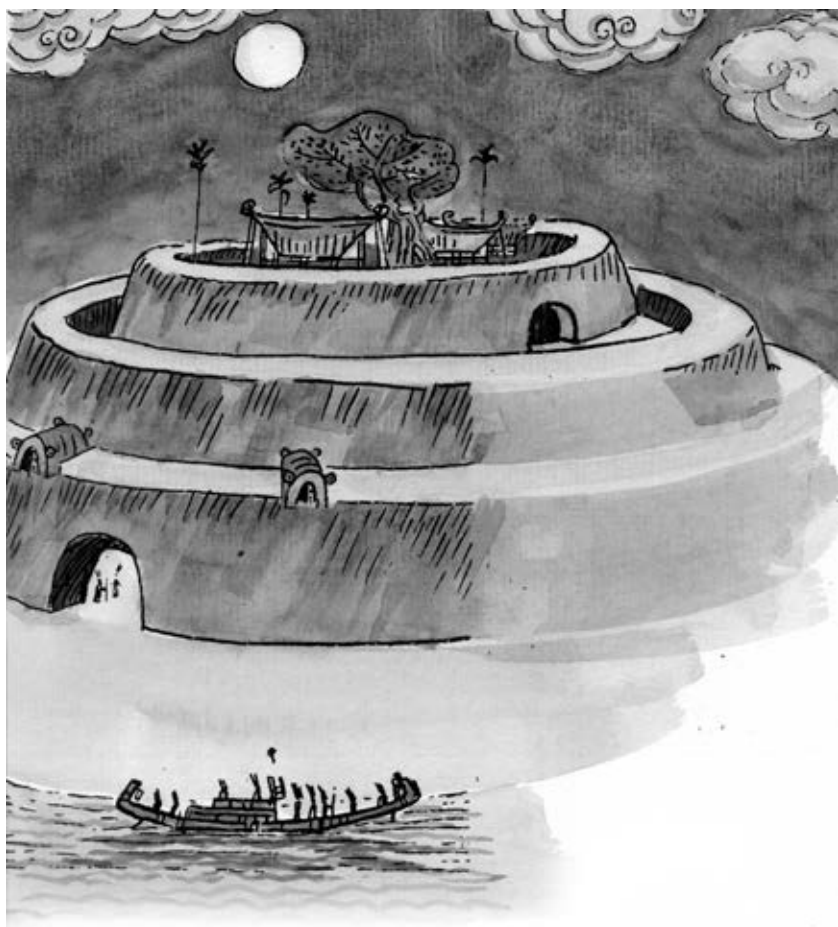
Tiếng động bên ngoài bỗng im bật, nghe dường như có tiếng chân chạy xa dần. Nhà vua và Cao Lỗ phóng đuổi theo, chỉ thấy thấp thoáng ở xa xa bóng con gà trắng đang chạy về núi Thất Diệu. Đến chân núi, con gà trắng bỗng biến thành con cú sáu chân, mồm ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn. Rùa Vàng liền rùng mình biến thành con chuột to lớn trèo lên cây, cắn vào chân cú. Cú đau quá há miệng, lá thư rơi xuống. Nhà vua nhặt lấy xé ngay.



Lá thư tan tành, con cú cũng chết theo. Nhà vua sai người đào núi, tìm ra được nhiều hài cốt và nhạc cụ. Vua liền sai đốt ra tro rồi đem đổ xuống sông suối. Thế là đã trừ được tai ương.

Xong việc, nhà vua quay trở về kinh đô và tiến hành lại việc xây thành.

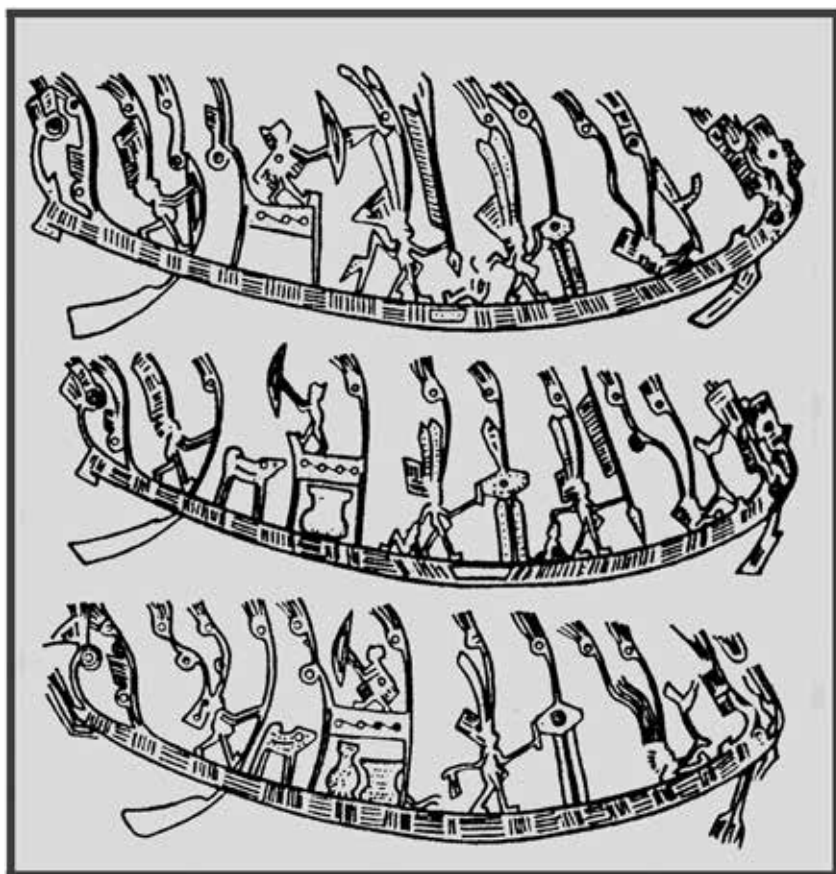




Chỉ trong vòng nửa tháng là dân Âu Lạc đã xây xong thành. Thành có ba vòng, hình dáng như con ốc nên sau này được gọi là Loa Thành (loa là con ốc). Tổng cộng chiều dài của cả ba vòng thành là hơn 16km. Vòng thành ở trung tâm (thành Trong) có hình chữ nhật, bảo vệ cho cung điện của vua và hoàng gia. Vòng thành kế tiếp là thành Giữa, bao bọc nơi ở của các quan, các Lạc hầu. Thành Ngoài là dài nhất, dùng để che chắn cho doanh trại quân đội.

Chân thành nhiều nơi được kê đá. Trên mặt thành có nhiều ụ đất đắp cao lên và nhô ra ngoài để làm vọng canh cho quân lính bảo vệ. Phía ngoài của cả ba vòng thành đều có hào nước sâu và rộng từ 10 đến 30m. Ba vòng hào này đều thông với nhau, thông cả với sông Hoàng Giang và với một cái đầm rất lớn gọi là Đầm Cả. Thuyền bè dễ dàng lưu thông ngược xuôi từ trung tâm ra đến tận sông Hồng. Còn Đầm Cả thì mênh mông, có khi tụ tập đến hàng trăm thuyền bè.





Hoa văn trên trống đồng miêu tả thủy quân

Với hệ thống sông hào như thế, tướng Cao Lỗ cho quân sĩ tập luyện thủy trận và chẳng bao lâu ông thành lập được một đội thủy quân. Đội thủy quân này rất năng động, khi ẩn khi hiện, biến hóa khôn lường. Hôm nay còn ở trong đầm Cỏ, ngày mai đã lênh đênh xuôi sông Hồng ra biển. Bên cạnh thủy quân, bộ binh vẫn được duy trì và phát triển. Binh sĩ được trang bị nhiều loại vũ khí, đó là các rìu, giáo mác, dao găm bằng đồng và cung tên. Nhưng đặc biệt hơn cả là nỏ Liên Châu.



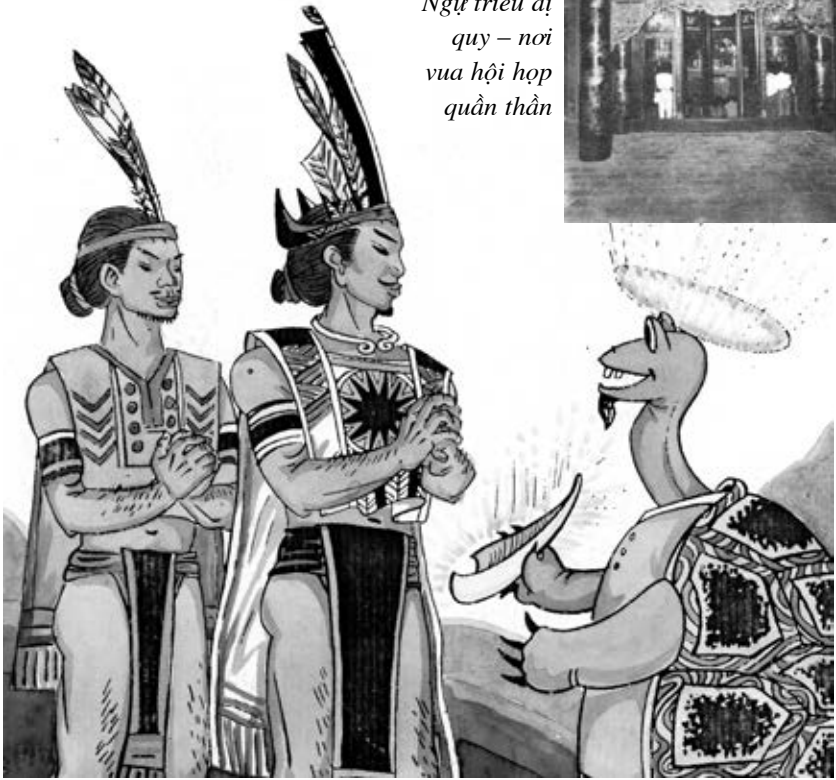
Hàng vạn mũi tên đồng dào được ở Cổ Loa

Nỏ Liên Châu là do tướng Cao Lỗ sáng chế, mỗi lần có thể bắn được nhiều mũi tên liên tục chớp nhoáng, đối phương khó bề tránh được. Để tăng thêm phần lợi hại, tướng Cao Lỗ cho chế mũi tên đồng có ba cạnh sắc bén. Từ đấy nỏ Liên Châu trở thành một vũ khí lợi hại của thủy quân Âu Lạc. Nơi nơi vang lên lời khâm phục tướng Cao Lỗ.

Để bảo vệ thành, tướng Cao Lỗ đã cho chế tạo hàng vạn mũi tên đồng ba cạnh. Ngoài mũi tên đồng ba cạnh này, quân lính Âu Lạc còn dùng mũi tên tre có tẩm thuốc độc và mũi tên bằng đá. Thời hưng thịnh của việc dùng nỏ còn để lại dấu vết ở một vài tên gọi tại Cổ Loa như Gò Đống Bắn, Gò Pháo Đài, xã Uy Nỗ...



*Ngự triều dị
quy – nơi
vua hội họp
quần thần*



Sau ba năm ở lại giúp An Dương Vương, thần Kim Quy từ giã ra đi. Nhà vua vô cùng quyến luyến, muốn lưu lại nhưng không được đành cảm tạ:

- Nhờ ơn thần ta mới xây được thành. Sau này nếu có giặc giã xâm lấn bờ cõi thì ta phải làm gì?

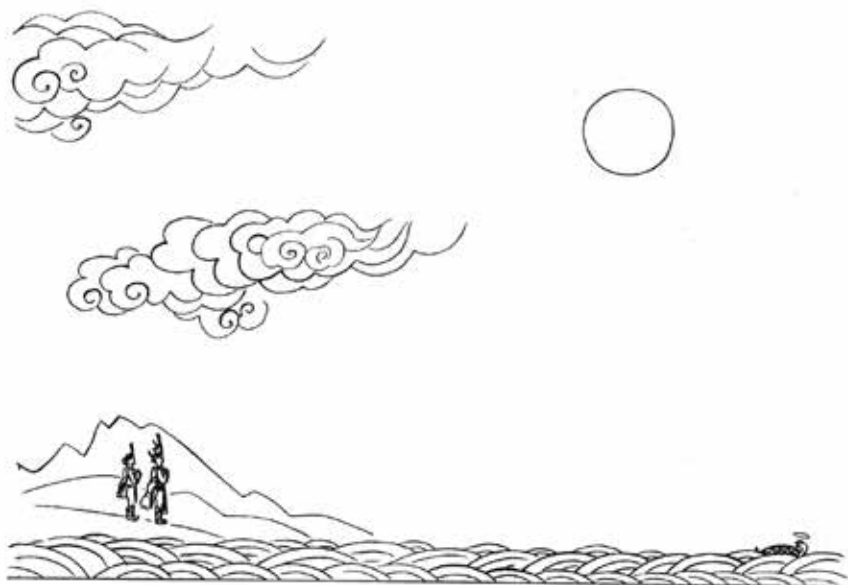
Thần Kim Quy đáp lại:

- Hãy tu đức để được lòng người và giữ an đất nước. Còn ta xin tặng nhà vua vật này để có thể đẩy lui quân giặc.

Nói đoạn, Rùa Vàng tháo chiếc móng của mình, trao cho An Dương Vương:

- Nhà vua hãy lấy chiếc vuốt này làm lẫy nỏ, khi có giặc đem ra bắn thì một phát có thể giết được hàng chục tên.

An Dương Vương búi ngùi cầm lấy chiếc móng và tiễn Rùa Vàng ra đến tận bờ sông. Rùa bơi đi một đoạn, quay đầu lại gật ba lần chào nhà vua rồi lặn xuống biển mất dưới làn nước.



Trở về cung, nhà vua trao chiếc móng cho tướng Cao Lỗ để thử nghiệm. Tướng Cao Lỗ bèn đi tìm một nơi thích hợp cho cuộc bắn thử. Không bao lâu ông đã tìm thấy. Đó là một ngọn đồi, thoải thoải phía dưới là rừng cây ngút ngàn rộng có đến hàng trăm dặm. Tướng Cao Lỗ thỉnh vua ra ngự lãm. Một tay cầm chiếc nỏ Liên Châu, tay kia cầm chiếc móng rùa, lưng mang giỏ tên đầy ắp, Cao Lỗ tiến lên đỉnh đồi.

Nhắm hướng rừng cây, ông buông tên.



Một tiếng nổ long trời vang lên, hàng loạt mũi tên xé gió vút đi. Trước khi mọi người kịp định thần, lại có tiếng rào rào vẳng đến. Thì ra cả khu rừng cây đang gãy cành, trút lá. Chẳng mấy chốc khu rừng xanh um trước kia chỉ còn lại các gốc cây chổng chơ không lá không cành. Ai nấy bàng hoàng trước sức mạnh kỳ diệu của chiếc nổ. An Dương Vương bèn đặt tên cho chiếc nổ là “Linh Quang Kim Trảo Thần Nổ”. Còn dân chúng thì thành kính gọi là “Nổ Thần”.



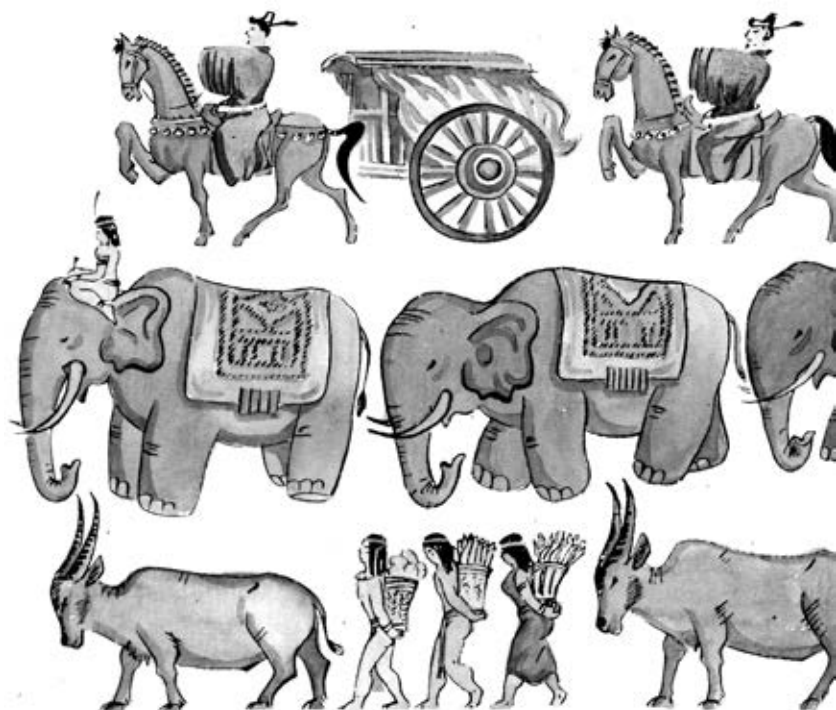
*Bàn thờ Nổ Thần
ở Cổ Loa*





An Dương Vương vô cùng quý Nỏ Thần, đem treo ở chỗ nằm để được hàng ngày ngắm nghía và cũng để bảo vệ an toàn cho món vũ khí có một không hai ấy.

Từ đấy, kinh đô của An Dương Vương có thành Cổ Loa bảo vệ, đất nước Âu Lạc có Nỏ Thần giữ an. Khắp nơi dân chúng sống đời thịnh trị, hạnh phúc.



Các nước láng giềng chung quanh thường kính nể và thường qua lại giao hiếu cùng trao đổi buôn bán. Riêng nước Tần khổng lồ ở phương bắc lại có tham vọng bành trướng, nhà vua đã phải dùng đường lối ngoại giao mềm dẻo để tránh sự đổ máu của dân chúng. Có câu thơ ca tụng thời ấy như sau:

*Nhờ Nô ấy giữ an bờ cõi,
Năm mươi năm vui hội thanh bình.
Thờ Tần vua đã nhún mình,
Vẫn còn chưa vẹn mối tình bang giao. (*)*

* Thơ của Đãi Sinh Vũ Huy Chân trong Việt Sử Thông Lãm (Sài Gòn, 1973, tr.13).

Cho đến nay, hàng mấy ngàn năm đã trôi qua mà dấu tích Cổ Loa còn để lại nhiều đoạn thành ở huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội. Trong lòng đất Cổ Loa, các nhà khảo cổ còn đào được hàng vạn mũi tên đồng ba cạnh. Về sau, hàng năm cứ vào mùng 6 tết, dân chúng mở hội Cổ Loa để kỷ niệm ngày vua nhập cung. Và thành Cổ Loa xứng đáng là niềm tự hào của dân tộc.

*Ai về qua huyện Đông Anh,
Ghé thăm phong cảnh Loa thành Thục Vương.*



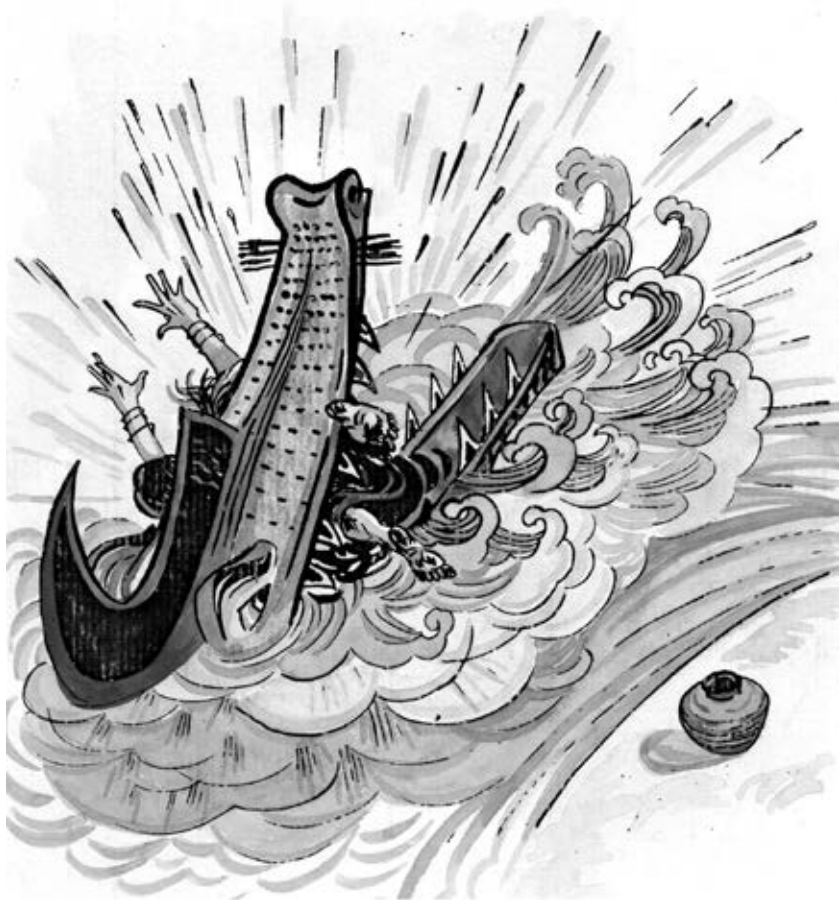
*Dị tích còn lại của
một đoạn thành Cổ Loa*

LÝ ÔNG TRỌNG





Vào khoảng cuối đời vua Hùng thứ mười tám, ở làng Chèm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), có một người trai dị thường tên là Lý Thân. Thân mình anh ta cao to quá khổ, cao đến hai trượng sáu thước ta (khoảng hơn 3m). Chân tay anh ta cũng to dài, vạm vỡ, các cuộc thi vật tay trong hội làng hàng năm anh đều đoạt giải nhất. Sức mạnh của anh không trai làng nào địch nổi, họ rất nể trọng và gọi anh là Ông Trọng.



Bố mất sớm, Lý Ông Trọng sống cùng mẹ trong ngôi nhà nhỏ rách nát đầu làng, gần bên sông Cái (*). Một hôm người mẹ ra sông lấy nước, bị một con thuồng luồng nơi vực sâu bắt mất. Thời ấy thuồng luồng là giống thủy quái gây nhiều tai vạ cho người dân. Bởi vậy dân Lạc Việt có tục xăm mình cho giống các loài thủy quái để mong chúng không làm hại mình.

* Sông Cái tức là sông Hồng bây giờ.

Được tin, Ông Trọng quyết tâm trừ diệt con thủy quái để trả thù cho mẹ và bảo vệ cuộc sống yên ổn của dân làng. Chàng bèn dùng sức đắp đê chắn ngang khúc sông có thường luồng, rồi tát cạn nước. Đôi khi đáy sông lộ ra, chàng nhảy xuống dùng đôi tay lực lưỡng, tóm cổ con thường luồng lôi thẳng lên bờ.



Ngay trên bến sông, chàng xé xác con thuồng luồng làm lễ tế mẹ và dân làng bị hại. Sau đó, chàng nổi lửa nướng thịt thuồng luồng rồi một mình ăn cho bằng hết. Tục truyền rằng, từ đó, cả khúc sông Cái trước làng Chèm vắng bóng loài thủy quái hung dữ. Dân làng ngày càng khâm phục và yêu quý chàng.



Một lần, trong một cuộc đấu vật, Lý Ông Trọng lỡ tay làm chết người. Thời bấy giờ, những vụ trọng án như giết người đều phải do nhà vua trực tiếp xét xử. Vua Hùng thấy chàng vừa có sức khỏe lại có tài trí, không cố ý giết người nên giảm tội cho. Chàng được sung vào đội thị vệ hầu hạ và bảo vệ nhà vua. Nhờ vậy, chàng có dịp lập nhiều chiến công, nức tiếng là một người vũ dũng tài trí.

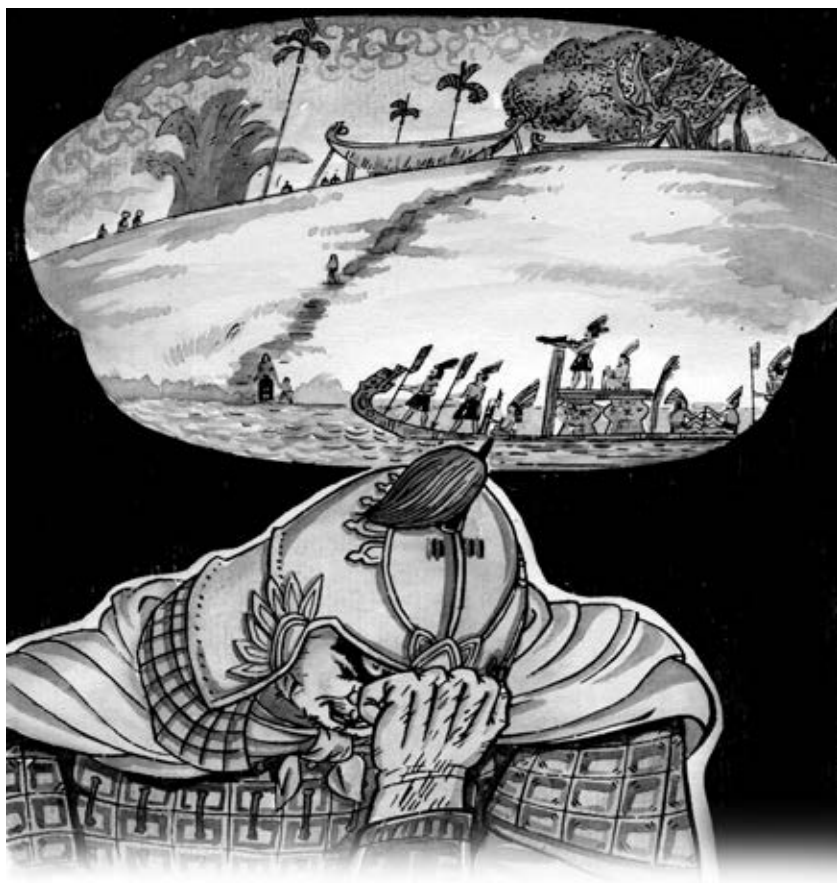




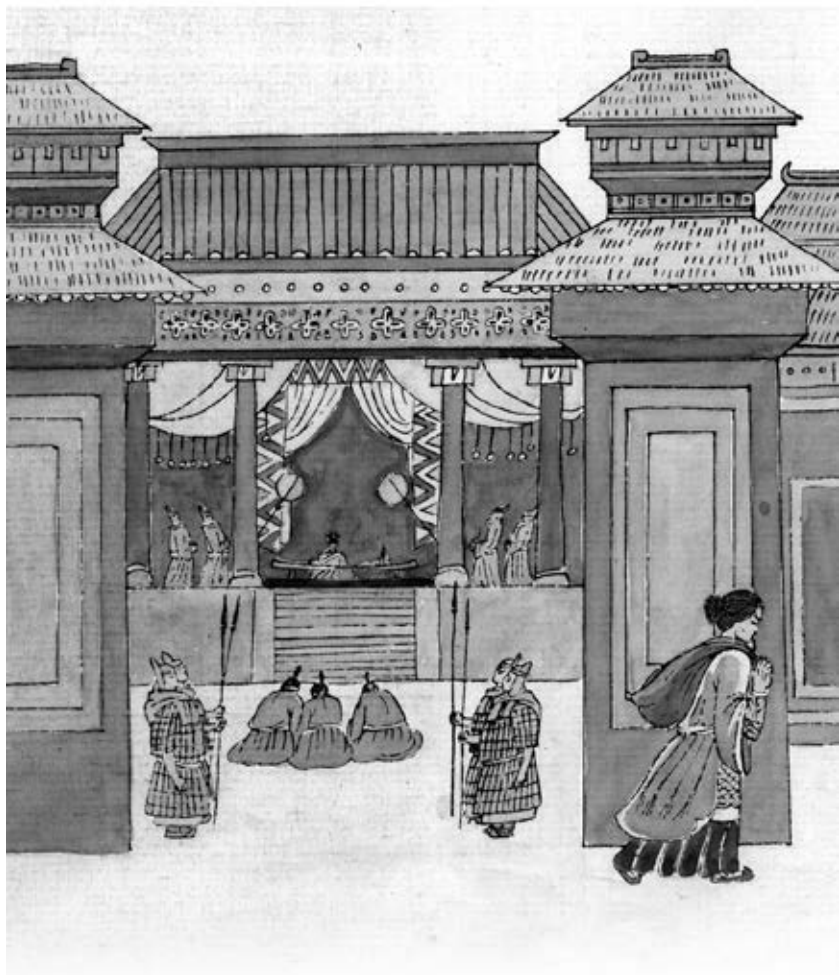
Đến thời An Dương Vương, Lý Ông Trọng vẫn được trọng dụng. Khi nước Âu Lạc lệ thuộc vào nhà Tần phương bắc, tiếng tăm của Lý Ông Trọng khiến Tần Thủy Hoàng phải hâm mộ. Nhà Tần cho sứ sang đòi nước ta phải cống nộp Lý Ông Trọng. An Dương Vương không có cách gì từ chối đành để Lý Ông Trọng sang Tần, giữ tình hòa hiếu giữa hai nước.



Đoạt được Lý Ông Trọng, Tần Thủy Hoàng mừng lắm. Bấy giờ ở phương bắc nước Tần, quân Hung Nô thường xuyên xâm phạm bờ cõi. Vua Tần phong chàng làm Tư Lệ Hiệu úy cử ra biên ải đánh dẹp. Sức khỏe và mưu trí của Lý Ông Trọng đã khiến quân Hung Nô vô cùng hoảng sợ, không dám quấy nhiễu. Từ đấy, một dải biên cương phía bắc nước Tần được yên ổn.

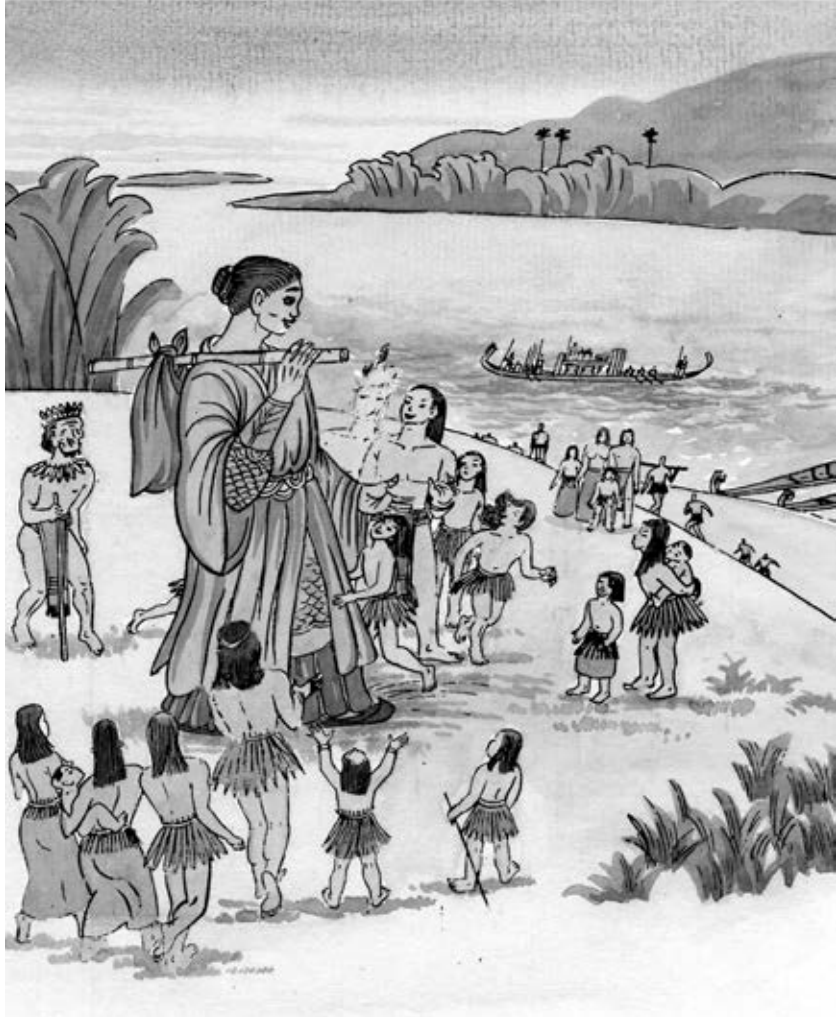


Chàng được vua Tần trọng dụng, phong làm Vạn Tín hầu, ban cho nhiều cửa cải, lại còn gả con gái yêu cho chàng. Nhưng dù sống cảnh giàu sang, Lý Ông Trọng vẫn canh cánh bên lòng nỗi nhớ quê hương. Nhiều đêm thao thức, chàng nhớ da diết từng giọng nói, điệu hò, từng cuộc đua vật đua thuyền sôi động trong các buổi hội làng, từng miếng trầu cay thơm mà các cô gái trao cho chàng thay lời hò hẹn... Ôi, đất khách quê người, phương trời biên biệt... Chưa bao giờ chàng thấy yêu quê hương xứ sở của mình đến thế.



Cuối cùng, không chịu đựng nổi nữa, chàng kiếm cớ xin phép vua Tần về thăm quê. Thoạt đầu vua Tần không đồng ý, sợ quân Hung Nô trở lại. Nhưng sau cho rằng Lý Ông Trọng không thể dứt bỏ cuộc sống giàu sang trên đất Tần và sẽ nhanh chóng quay lại, vua Tần cũng vui vẻ chấp thuận.

Chỉ chờ có thế, Lý Ông Trọng vội vã khăn gói lên đường.

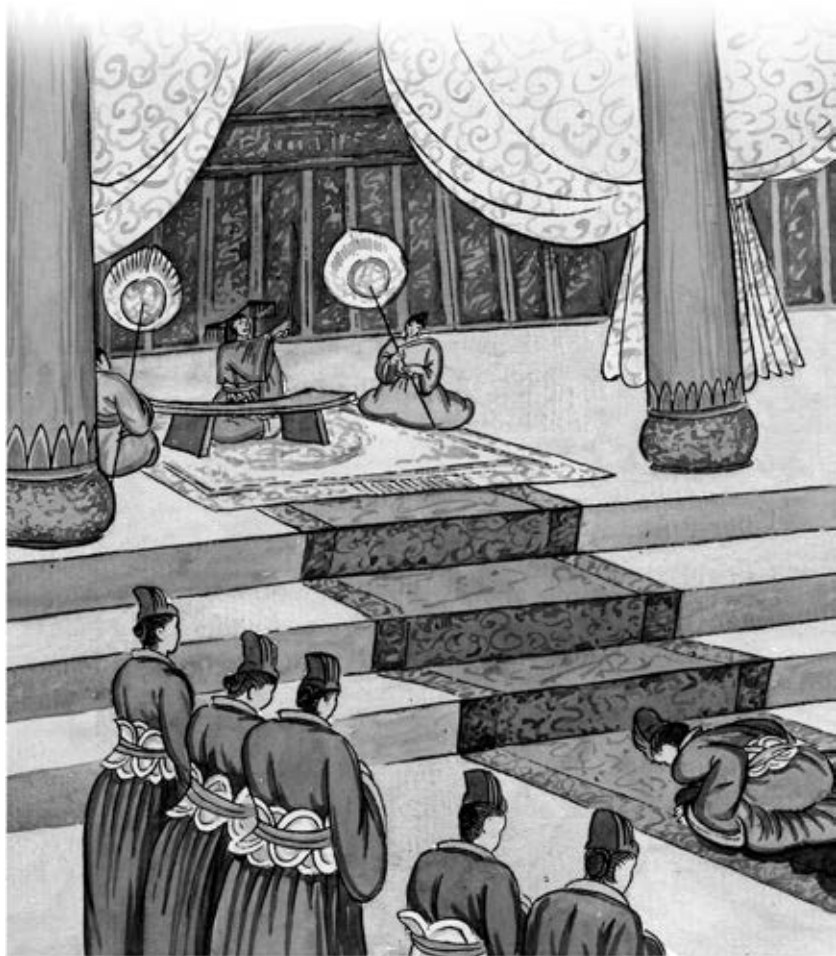


Giây phút gặp lại bà con thân thuộc nơi làng xưa xóm cũ khiến Ông Trọng vô cùng cảm động. Bến sông xưa kia rồi, nơi chàng đã giết thường luồng tể mẹ năm nào. Mồ cha mẹ chàng nằm chơ vơ trên một ngọn đồi cạnh làng, đã bao năm qua chàng chẳng hề được quỳ để thắp một nén nhang tưởng niệm. Không, chàng sẽ không bao giờ rời xa chốn này nữa. Chàng nói:

- Thà sống khổ cực nơi quê nhà còn hơn được làm quan sung sướng nơi đất Tần.

Từ khi biết Lý Ông Trọng trở về quê hương, quân Hung Nô lại tràn sang quấy phá miền biên giới nước Tần. Vua Tần đã phải cử nhiều tướng giỏi, nhiều đội quân thiện chiến ra trận, nhưng vẫn không sao đánh dẹp được. Cuối cùng, vua Tần phải cho sứ cấp tốc sang Âu Lạc triệu gấp Lý Ông Trọng về.





Nhưng Lý Ông Trọng nhất quyết không chịu sang đất Tần nữa. Mặc cho sứ giả hết hứa hẹn lại dọa nạt cũng không lay chuyển được. Nghe tin báo vua Tần nổi giận, cho sứ đem tối hậu thư sang hạn rõ: Nếu Ông Trọng không sang ngay đất Tần, vua Tần sẽ cử đại binh đi chinh phạt Âu Lạc.

Không biết giải quyết cách nào, An Dương Vương đành nói dối là Ông Trọng đã chết.

Vua Tần không tin, đòi An Dương Vương cho người đem hài cốt sang để xem rõ thực hư. Trước hoàn cảnh khó khăn của triều đình Âu Lạc và nguy cơ đất nước rơi vào cảnh binh lửa, Lý Ông Trọng đã dậm cổ tự vẫn để giữ vẹn tấm lòng gắn bó với quê hương.





Nhận được hài cốt của Lý Ông Trọng, vua Tần vô cùng thương tiếc. Vừa cảm mến chàng, vừa để đối phó với quân Hung Nô, vua Tần cho đúc tượng Lý Ông Trọng bằng đồng. Cả hàng chục lò đúc đồng rực sáng, hàng ngàn thợ hối hả làm việc đêm ngày.



Tượng đúc xong to cao, giống hệt Lý Ông Trọng. Bên trong tượng rỗng, lắp đặt máy móc để có thể cử động được. Vua Tần cho đặt tượng trước cửa ải Hàm Dương nơi biên thùy đối diện với nước Hung Nô. Lại cho người thay phiên chui vào trong điều khiển máy móc để tay chân cử động như người sống thật.



Quân Hung nô từ xa trông thấy tượng Lý Ông Trọng đang cử động giữa đám binh lính Tần vây kín trong ngoài, tướng Lý Ông Trọng còn sống thật nên rất hoảng sợ. Tin đồn lan truyền khiến đội quân Hung Nô trở nên rối loạn, xô nhau bỏ chạy tan tác. Vua Hung Nô được tin Lý Ông Trọng trở về cầm quân vội vàng xin thần phục vua Tần. Nước Tần từ đó mới yên ổn nạn đao binh...

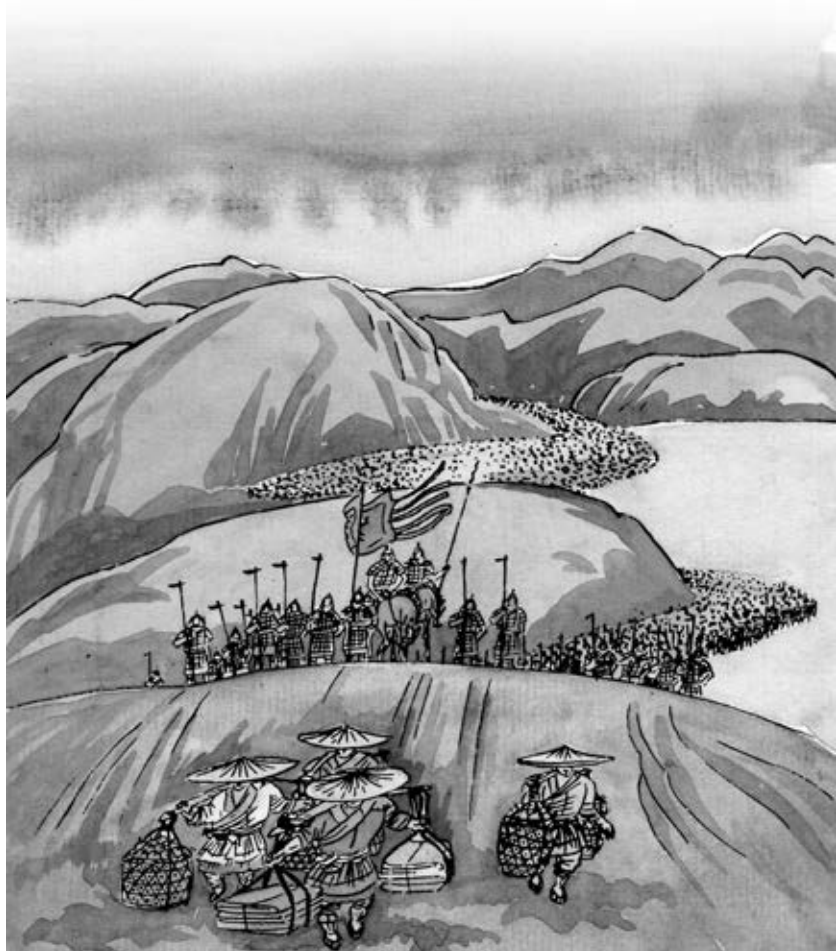
MÎ CHÂU - TRỌNG THỦY

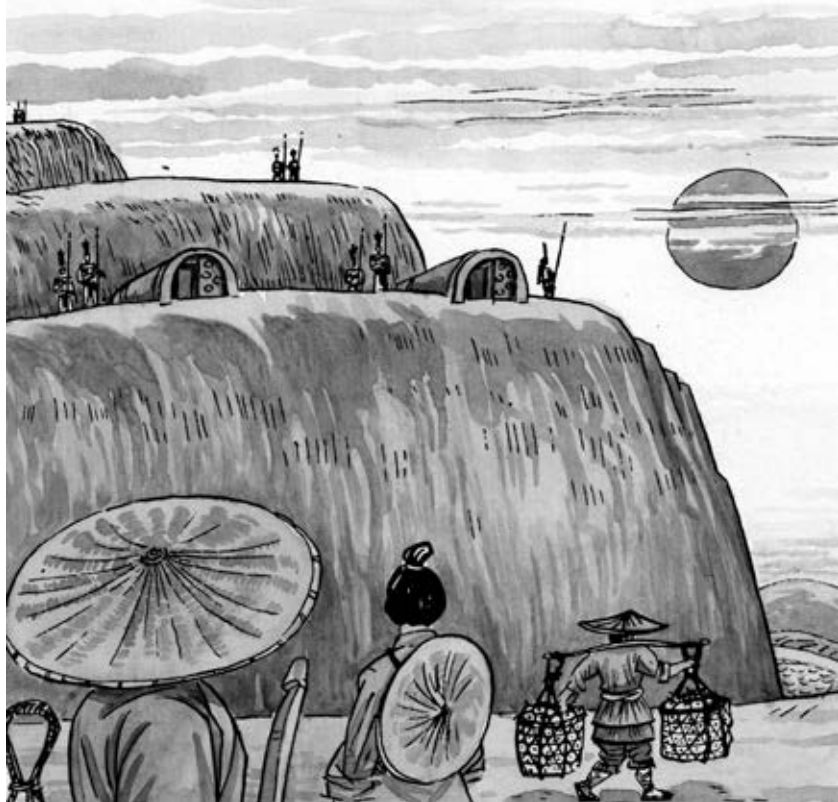


Dù đã làm vua nước Nam Việt rộng lớn gồm có ba quận Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận, Triệu Đà vẫn chưa vừa lòng. Không thể bành trướng tham vọng của mình lên phía bắc vì nhà Tần vẫn còn, Triệu Đà bèn nhìn về phương nam. Ở đây, nằm kề biên giới là nước Âu Lạc với nhiều sừng tê, ngà voi, ngọc trai, trống đồng; xóm làng xanh mướt với nhiều cây trái ngọt lành. Bởi vậy Âu Lạc trở thành miếng mồi ngon, thúc giục lòng tham muốn của Triệu Đà.



Nhân cơ hội tình hình nước Tần rối loạn, suy yếu, vì vậy rảnh được mỗi lo phương bắc, Triệu Đà dồn lực lượng kéo xuống đánh Âu Lạc (vào khoảng đầu năm 209 trước Công nguyên). Quân Triệu Đà trùng trùng điệp điệp kéo đến núi Tiên Du thuộc Bắc Giang (Hà Bắc) thì dừng lại để dàn trận. Quân trinh sát được tung ra đi dò thám. Chúng đóng giả làm những người buôn bán hàng lẩn vào kinh đô.





Nhưng bức tường thành Cổ Loa đã chặn bước chúng. Những tên gan lỳ nhất cũng chỉ lén được vào trong vòng thành Ngoài bằng cách lẩn vào quân lính. Trên cao là những vọng canh sừng sững, dưới hào thuyền đi tuần suốt ngày đêm, quân ngũ ngăn nắp tề chỉnh. Tất cả mọi sự thấy được làm bọn mật thám khiếp vía, đành quay về báo lại cùng Triệu Đà.



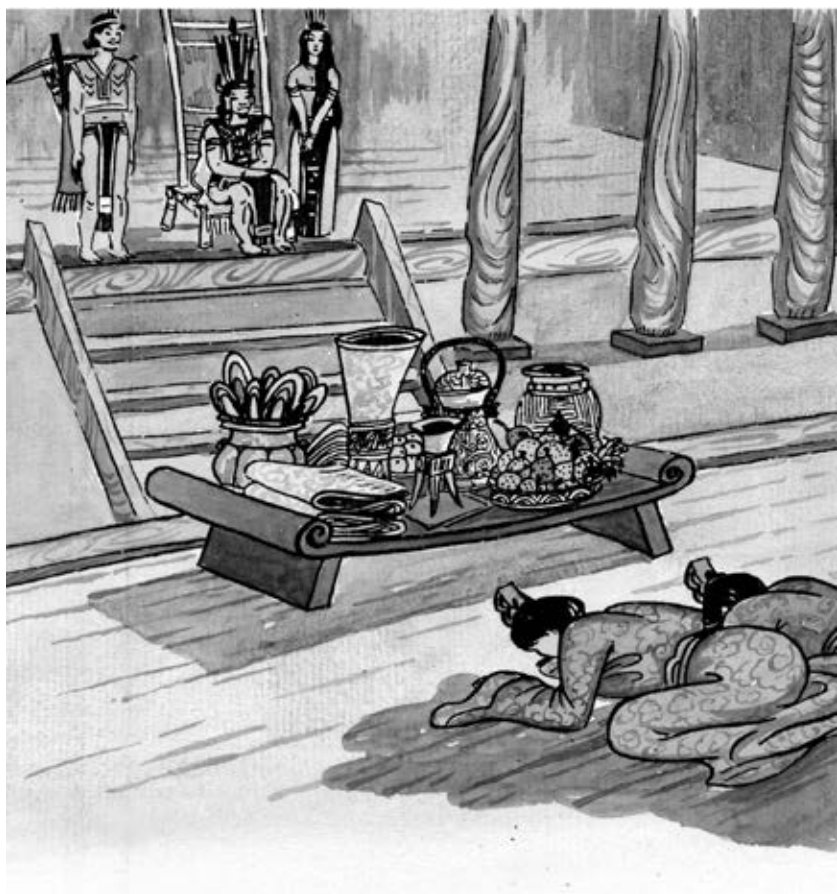
Nghe tin quân Nam Việt kéo đến, An Dương Vương trao nỏ thần cho tướng Cao Lỗ và ra lệnh xuất quân. Khi Triệu Đà đang còn lúng túng, bộ binh và thủy quân của Âu Lạc đã ập đến. Quân Đà hoảng loạn. Tướng Cao Lỗ ngồi trên bành voi, giương cao chiếc Nỏ Thần buông tên. Sau nhiều tiếng nổ kinh hồn, quân địch lăn ra chết như rạ ngoài đồng. Triệu Đà thua to, gom góp tàn quân lui về giữ núi Vũ Ninh.

Không từ bỏ mộng xâm lăng, chưa khiếp vía trước sức mạnh của Nỏ Thần và của quân Âu Lạc, Triệu Đà lại hạ lệnh về nước cho trưng mộ thêm binh lính. Lần thứ hai lâm trận, quân Triệu Đà lại thua liểng xiểng. Tiếng nổ của Nỏ Thần lại tiêu diệt hàng vạn tên giặc và đồng thời tỏ cho Triệu Đà biết là Âu Lạc có một vũ khí bí mật. Thấy thế không thắng được, Triệu Đà bèn đề nghị giảng hòa và rút quân về nước.



Hiếu rằng Âu Lạc có vũ khí bí mật, không thể chỉ bằng vũ lực mà chinh phục, Triệu Đà bèn tìm cách cho người vào Âu Lạc dò la. Được biết An Dương Vương có nàng con gái là My Châu xinh đẹp, Triệu Đà bèn sai con trai là Trọng Thủy sang Âu Lạc mượn danh nghĩa thông hiếu để kết thân. Triệu Đà còn đem của cải mua chuộc giới quý tộc Âu Lạc để họ đừng làm khó dễ Trọng Thủy. Sau nhiều lần đi sứ qua lại, Trọng Thủy gặp được My Châu và đem lòng yêu nàng.





Nàng My Châu thơ ngây cũng đáp lại tình yêu kia. Thấy mọi việc diễn ra như dự tính, Triệu Đà bèn cho người sang cầu hôn My Châu cho Trọng Thủy. Nghĩ rằng kết thông gia với Triệu Đà là sẽ tránh được nạn chiến tranh, An Dương Vương hoan hỉ nhận lời. Các Lạc hầu cũng đồng thanh tán thành. Duy chỉ có tướng Cao Lỗ là phản đối, ông nói với vua:

- Nó mượn cơ cầu hòa và cầu hôn để cướp nước ta đó thôi.

An Dương Vương không nghe lời Cao Lỗ, cho là ông cố chấp. Nhưng Cao Lỗ vẫn cương quyết can ngăn. Nổi giận An Dương Vương đuổi Cao Lỗ về quê. Trước khi lên đường, Cao Lỗ còn cố đầu vớ nhà vua:

- Xin nhà vua thận trọng giữ gìn Nỏ Thần. Có được nỏ này thì làm vua thiên hạ, không giữ được nó thì mất thiên hạ.^(*)

** Chữ “Thiên hạ” ở đây chỉ đất nước, quốc gia.*





Nhưng An Dương Vương không quan tâm, chỉ mong Cao Lỗ đi cho khuất mắt.

Cao Lỗ đi là An Dương Vương làm lễ cưới cho đôi trẻ. Trọng Thủy dưới sự chỉ đạo của Triệu Đà, xin ở lại ở rể. An Dương Vương hân hoan chấp thuận. Nhà vua nghĩ:

- Con trai ở đây, hắc Triệu Đà không thể nào cất quân đi đánh ta được.

My Châu và Trọng Thủy sống bên nhau rất hạnh phúc. My Châu dẫn Trọng Thủy đi dạo khắp nơi, giảng giải cho chàng biết những điều kỳ thú của đất Âu Lạc.

Trọng Thủy thích nhất là ngắm vợ gội đầu bên bờ giếng. Cái giếng của Âu Lạc thật là xinh xắn, sạch sẽ, nước trong vắt không lẫn đất cát, vì thành giếng có khuôn bằng đất nung che chắn. Mỵ Châu chỉ cho Trọng Thủy thấy những lỗ thủng rải rác trên khuôn giếng và giải thích:

- Người ta đục những lỗ thủng ấy để nước những mạch ngầm có thể chảy vào giếng.

Chỉ các hoa văn có hình thù uốn lượn trên mép nước, nàng tiếp:

- Dân Lạc rất thích trang trí hoa văn. Hầu hết các đồ gốm đều được khắc vẽ tỉ mỉ các loại hoa văn.





Trọng Thủy yêu thương vợ nhưng không quên lệnh cha, thường để ý xem xét sự bố trí phòng ngự của Âu Lạc. Lợi dụng những lần cùng vợ theo thuyền của vua cha dạo khắp các vòng hào từ kinh đô ra đến sông Hoàng Giang, Trọng Thủy cố nhớ lấy các tình tiết địa hình và lén lút vẽ được bản đồ thành Cổ Loa với đủ vị trí các vọng canh, các cửa đông tây nam bắc. Thậm chí Trọng Thủy còn vẽ lại hình dáng các vũ khí của quân Âu Lạc.

Nhưng những kết quả ấy chưa làm vừa lòng Triệu Đà. Triệu Đà cho người hối thúc Trọng Thủy phải dò và lấy cho được vũ khí bí mật có tiếng nổ kinh hồn kia. Trọng Thủy lần chần ở rể gần ba năm mới dám hỏi My Châu:

- Bên Âu Lạc có tài gì mà không ai đánh được?

My Châu không hề đắn đo, cho biết:

- Âu Lạc không những chỉ có thành cao, hào sâu mà còn có Nổ Thần bắn một phát chết hàng vạn người nữa.





Hai tiếng Nỏ Thần dội vào tai Trọng Thủy như một tiếng sét.

Chàng nôn nóng muốn tận mắt thấy món vũ khí ấy. Nhân khi cha đi vắng, My Châu mang Nỏ Thần cho chồng xem. Nàng nói:

- Vua cha cất giữ Nỏ Thần rất cẩn thận, luôn luôn treo nó bên cạnh giường ngủ. Chàng hãy nhìn đây, bí quyết là ở cái lẫy nỏ bằng móng của thần Kim Quy này.



Vừa nghe vợ giới thiệu tác dụng của Nỏ Thần, Trọng Thủy vừa chăm chú xem từng chi tiết để ghi nhớ và lại lén lút vẽ sơ đồ của Nỏ Thần cho Triệu Đà. Đồng thời Trọng Thủy bí mật kiếm một cái vuốt rùa giống hệt vuốt của Rùa Vàng rồi thừa dịp lén vào phòng An Dương Vương tráo lấy chiếc vuốt thật.

Sau khi lấy trộm được vuốt rùa, Trọng Thủy tỏ ra bứt rứt, buồn bã khác thường. Thấy chồng ăn không ngon, ngủ không yên, My Châu hỏi:

- Tại sao chàng luôn thần thờ, lo âu. Có điều gì chàng hãy cho thiếp biết.

- Ta nay xa cha mẹ đã ba năm, lòng thương nhớ khôn nguôi, muốn về thăm một lần.

My Châu râu bày cùng An Dương Vương. Nhà vua đồng ý, vì trong ba năm ở rể, Trọng Thủy cũng đã lấy được lòng tin của nhà vua.





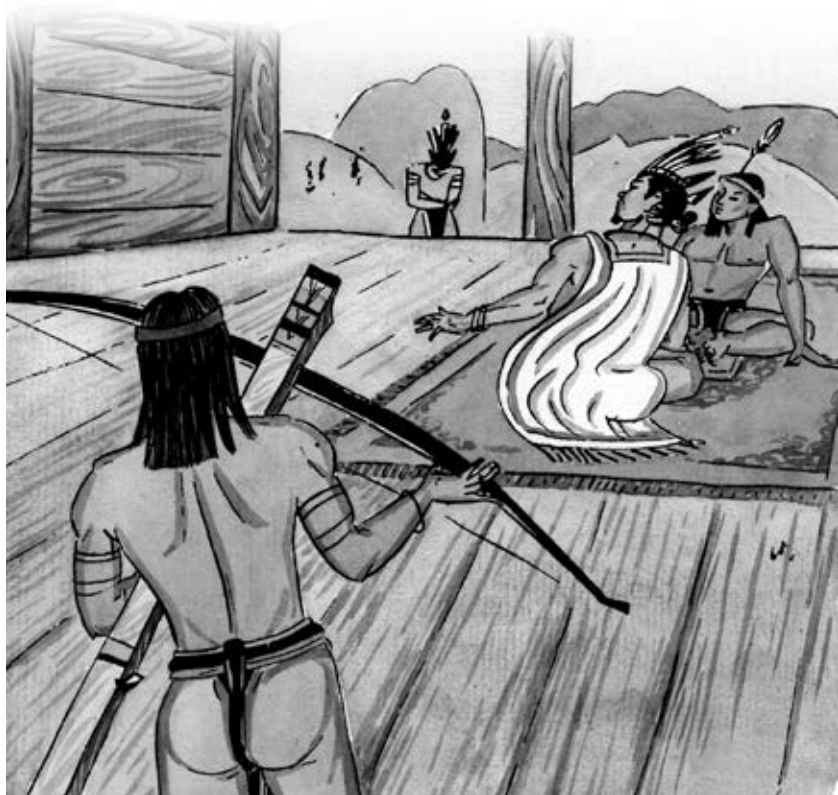
Lúc chia tay, Trọng Thủy bảo My Châu:

- Tình vợ chồng không thể lãng quên, nghĩa mẹ cha không thể dứt bỏ. Ta nay về thăm cha, nếu chẳng may hai nước thất hòa, hai bên đánh nhau thì làm sao mà tìm nàng được?

My Châu gạt những giọt lệ lăn dài trên má:

- Nếu gặp cảnh biệt ly thì thiếp đau đớn khôn xiết. Thiếp có cái áo lông ngỗng, hãy chạy về đâu, thiếp sẽ lấy lông ấy mà rắc dọc đường. Như thế có thể tìm nhau được.

Trọng Thủy về đến Nam Hải, dâng vuốt rùa cho Triệu Đà. Triệu Đà vô cùng vui mừng, cho quân bất ngờ tiến đánh Âu Lạc. Trong khi ấy ở Cổ Loa, An Dương Vương vẫn yên lòng về mối giao hảo tốt đẹp giữa Âu Lạc và Nam Việt. Khi quân Âu Lạc ở biên ải thua to, phi báo về kinh đô, My Châu đau khổ, An Dương Vương bàng hoàng. Nhưng thấy Nỏ Thần vẫn còn đó, nên vua không phòng bị, ung dung ngồi uống rượu chờ quân địch đến...





Đội quân Triệu kéo đến sát Loa Thành, nhà vua mới tung đội quân chuyên bắn Nỏ Thần ra chống cự. Than ôi! Nỏ Thần không còn linh nghiệm nữa. Quân Triệu Đà xé thùng cửa bắc, băng qua thành Ngoài, tấn công doanh trại quân sĩ, uy hiếp thành Giữa. Quân Âu Lạc mất tinh thần, tan tác, mạnh ai nấy chạy. Trong tình thế nguy cấp, không còn ai bảo vệ, An Dương Vương vội đưa My Châu lên ngựa tìm đường trốn chạy. Thấy cửa nam còn chưa bị tấn công, nhà vua phóng ngựa trực chỉ về phía bờ biển.



My Châu ngồi sau lưng vua cha mà lòng rối bời bời. Nàng đã kịp mang theo chiếc áo lông ngỗng trắng toát. Viễn ảnh không bao giờ gặp lại chồng thôi thúc nàng thả từng chiếc lông nhẹ sau vó câu. Nhà vua chạy đến núi Mộ Dạ (Nghệ An), kệp sát bờ biển thì đường đã cùng. Dưới nước không có thuyền chèo, sau lưng quân giặc đuổi gấp. Vua không còn lối thoát nào khác.



Sực nhớ đến thần Kim Quy, nhà vua kêu lên:

- Rùa Vàng mau lại cứu ta!

Tức thời biển nổi sóng cuồn cuộn rồi nước rẽ ra và Rùa Vàng ngoi lên. Rùa nói lớn:

- Giặc ngồi sau lưng nhà vua đó!

An Dương Vương quay lại chẳng thấy ai, chỉ có con gái yêu đang đầm đìa nước mắt.



Nhưng kia, xa xa, từng chiếc lông ngỗng, từng vệt lông kéo dài liên tiếp như những mũi tên chỉ đường. Nhà vua ngo ngác đoạn sừng sờ chột hiểu. My Châu cũng vậy. Sau tiếng thét của Rùa Vàng, nàng nhận thức được sự nông nổi của mình.

Nhà vua tức giận rút gươm ra. Thấy giây phút cuối cùng đã đến, My Châu khẩn rằng:

- Tôi một lòng trung tín, bị mắc lừa người ta! Nếu có lòng phản nghịch mưu hại cha, chết đi sẽ biến thành cát bụi. Bằng không xin hóa thành ngọc trai để tỏ tấm lòng trong trắng này.



Nàng vừa khấn xong thì đường gương của An Dương Vương đã nháo lên kết thúc thân phận người con gái oan nghiệt. Tục truyền My Châu vì nổi thực tình mà phải thác oan, cho nên những con trai hớp phải máu nàng đều cho một loại ngọc rất quý. Có câu ca nói về nổi oan của My Châu như sau:

*Mênh mông góc bể chân trời,
Những người thiên hạ nào người tri âm.
Buồn riêng thôi lại tủi thâm,
Một duyên, hai nợ, ba lần lấy nhau.*



Giết My Châu, An Dương Vương lao mình xuống biển tự vẫn. Tương truyền rằng An Dương Vương, đau thương vì mất nước, nên sau khi chết hóa thành con chim Cuốc^(*) ngày đêm khản tiếng kêu:
- Quốc! Quốc!

^{*} Chim Cuốc hay còn gọi là Đỗng Quyên, thường sống trong bờ bụi và cát tiếng kêu ra rả và thảm thê.

Trong khi ấy tại quê nhà ở bộ Vũ Thường (Bắc Ninh), Cao Lỗ chiêu tập dân quân kéo lên tiếp ứng cho thành Cổ Loa. Nhưng lực lượng ít ỏi không chống đỡ nổi, cuối cùng ông hy sinh trên chiến trường. Người đời sau thờ Cao Lỗ tại xã Vạn Ninh (Bắc Ninh). Lễ hội Cao Lỗ kéo dài từ ngày 10-3 âm lịch là ngày sinh của ông cho đến ngày 5-4 là ngày mất. Trong lễ hội, dân chúng tổ chức các buổi thi bắn nỏ, đua thuyền để nhớ lại vị tướng đã có công tạo ra nỏ Liên Châu và lập nên đội thủy quân đầu tiên của đất nước.





Nói về Trọng Thủy, khi quân Triệu Đà tràn vào Loa thành chàng vội vã đi tìm vợ. Lùng sục khắp cung cấm mà chẳng thấy tăm hơi, sau cùng chàng phát hiện được dấu lông ngỗng ở cửa nam liền đuổi theo. Xác My Châu nằm đó. Vết tử thương ngay cổ vẫn chưa khô máu đào. Mái tóc đen dài óng ả xòa trên cát trắng, cuộn theo từng đợt gió. Chiếc áo lông ngỗng trắng phau ngày nào cũng đã tả tơi nhuộm hồng. Ruột gan đau như xé, Trọng Thủy ôm chầm xác vợ khóc nức nở.



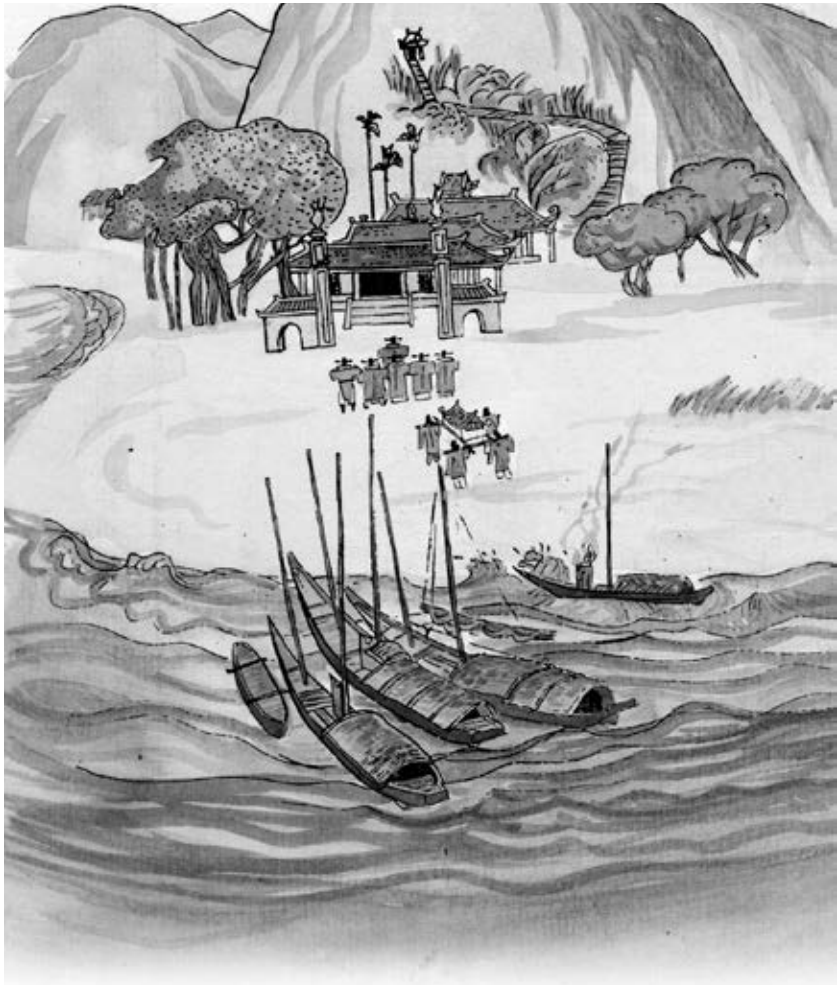
Đêm lạnh đã xuống, Trọng Thủy thất thủ ôm xác vợ lên ngựa đem về Loa thành. Chàng làm tang ma cho vợ theo nghi lễ của người Âu Lạc. Chàng tự tay chế tạo một chiếc lược bằng sừng, một cái gương đồng sáng loáng, rồi nồi, chén, đĩa... và cả khung cửi. Tất cả đều có kích thước tí hon vì người Âu Lạc không còn chôn theo người chết những vật dụng thật nữa mà chỉ mô phỏng theo thôi. Trọng Thủy đặt xác My Châu cùng các đồ tùy táng nhỏ bé vào quan tài đoạn đem chôn dưới chân thành Cổ Loa.

Trọng Thủy thương tiếc My Châu khôn nguôi, chàng thường trở về nơi nàng trang điểm, tắm gội, tìm kiếm kỷ niệm xưa. Một hôm, chàng đến bên chiếc giếng, nhìn xuống làn nước lăn tăn, bỗng dường như thấy dập dờn hình ảnh My Châu. Vẫn nhan sắc xưa, vẫn mái tóc mượt mà xưa nhưng ánh mắt lại trách móc buồn bã. Lòng đau xé hối hận, Trọng Thủy liền lao mình xuống giếng tự vẫn.



Đó là cái giếng nằm ở trước đền thờ An Dương Vương, hiện nay vẫn còn. Người đời sau tình cờ lấy ngọc trai ở biển Đông đem rửa ở giếng Trọng Thủy trầm mình thì thấy màu ngọc sáng rực lên. Từ đó đồn đại mãi. Đến nổi sau này, vào thế kỷ 15, nhà Minh bên Trung Quốc bắt các vua Lê trả nợ đã giết Liễu Thăng bằng cách cống nước giếng Trọng Thủy để họ rửa ngọc. Mãi đến năm 1718, chúa Trịnh Cương sai sứ thần là Lê Công Hãng thương thuyết với nhà Thanh mới bãi được lệ cống ấy.





Người đời sau lập đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa (Hà Nội) và cả trên núi Mộ Dạ (Nghệ An). Đền ở Mộ Dạ được gọi là đền Công hay đền Cuông vì nơi đây chim công sinh sống tụ tập rất đông. Vào năm 1840, thời nhà Nguyễn, vua Minh Mạng sai các quan đến tận đền Công để làm lễ tế và ra lệnh xếp đền An Dương Vương vào hạng mục miếu thờ các vua chúa đời trước.



Nhà thờ An Dương Vương



Tượng đá cụt đầu ở am My Châu

Ở Cổ Loa còn có am thờ nàng My Châu, phía sau bức tượng đá hình người cụt đầu tương truyền là xác My Châu sau khi bị vua cha chém. Bức tượng My Châu bị cụt đầu như muốn nhắc nhở muôn đời sau một bài học về sự cả tin, nhẹ dạ.

Như vậy nước Âu Lạc kết thúc vào năm 207 trước Công nguyên, chấm dứt một thời đại lâu dài mà lịch sử gọi là thời đại Hùng Vương. Thời đại này, theo truyền thuyết kéo dài đến 20 thế kỷ.

**PHỤ LỤC
THÀNH CỔ LOA**





Khi lên làm vua, An Dương Vương hợp nhất hai nhóm dân tộc Tây Âu và Lạc Việt, lập ra nước Âu Lạc. Sau đó, nhà vua cho dời đô từ Phong Châu về Phong Khê và hạ lệnh xây thành Cổ Loa để bảo vệ kinh đô. Thành Cổ Loa xưa tọa lạc tại địa điểm xã Cổ Loa ngày nay, thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

BỐI CẢNH ĐỊA LÝ, XÃ HỘI

Vào thời Âu Lạc, Cổ Loa nằm vào vị trí trung tâm của đất nước và là nơi giao lưu quan trọng của đường thủy. Đó là một khu đất đồi cao ráo nằm ở tả ngạn Hoàng Giang. Con sông này qua nhiều thế kỷ bị phù sa bồi đắp nay đã trở thành một con lạch nhỏ, nhưng xưa kia Hoàng Giang là một nhánh lớn quan trọng của sông Hồng nối liền sông Hồng với sông Cầu, con sông lớn nhất trong hệ thống sông Thái Bình. Như vậy, về phương diện giao thông đường thủy, Cổ Loa có vị trí vô cùng thuận lợi hơn bất kỳ ở đâu tại đồng bằng Bắc bộ vào thời ấy, đó là vị trí nối liền mạng lưới đường thủy của sông Hồng với mạng lưới đường thủy của sông Thái Bình. Hai mạng lưới đường thủy này chi phối toàn bộ hệ thống đường thủy tại Bắc bộ. Qua Hoàng Giang, thuyền bè có thể tảo đi khắp nơi, nếu ngược lên sông Hồng là có thể thâm nhập vào vùng Bắc hay Tây Bắc của Bắc bộ, nếu xuôi sông Hồng thuyền có thể ra đến biển cả, còn nếu muốn đến vùng phía Đông Bắc thì dùng sông Cầu để thâm nhập vào hệ thống sông Thái Bình đến tận sông Thương và sông Lục Nam.

Phong Khê hồi ấy là một vùng đồng bằng trù phú có xóm làng, dân chúng đông đúc, sống bằng nghề làm ruộng, đánh cá và săn bắn. Việc dời đô từ Phong Châu về đây có ý nghĩa lịch sử quan trọng đánh dấu một giai đoạn phát triển của dân Việt, đó là giai đoạn người Việt thiên cư từ miền trung du, rừng núi về định cư tại vùng đồng bằng. Việc định cư tại đồng bằng chứng tỏ một bước tiến lớn trong các lĩnh vực kinh tế: trong giao tiếp, trao đổi – con

người dễ dàng đi lại bằng đường bộ hay bằng đường thủy; trong nông nghiệp – các cánh đồng bằng phẳng đã được khai thác có quy mô; trong công nghiệp – sự sản xuất các công cụ như cuốc, cày, hái bằng sắt đã tăng tiến.

KỸ THUẬT XÂY THÀNH

Theo sử cũ, thành được xây quanh co chín lớp, chu vi chín dặm, rộng nghìn trượng, xoáy tròn như hình ốc, nên về sau được gọi là Loa thành (“loa” có nghĩa là con ốc). Thành còn có tên nôm là Chạ Chủ⁽¹⁾ và nhiều tên khác như Khả Lũ (“lũ” có nghĩa là quanh co nhiều lớp), Côn Lôn thành (ý nói thành cao như núi Côn Lôn bên Trung Quốc) hoặc Việt Vương thành (thành của vua xứ Việt), dân địa phương gọi bằng tên Nôm là thành Chủ.

Để có đất xây thành, An Dương Vương phải cho dời dân tại chỗ đi nơi khác. Theo truyền thuyết thì làng Quây⁽²⁾ hiện nay nguyên vốn ở tại Cổ Loa đã phải dời xuống vùng đất trũng cuối dòng Hoàng Giang để An Dương Vương xây thành⁽³⁾.

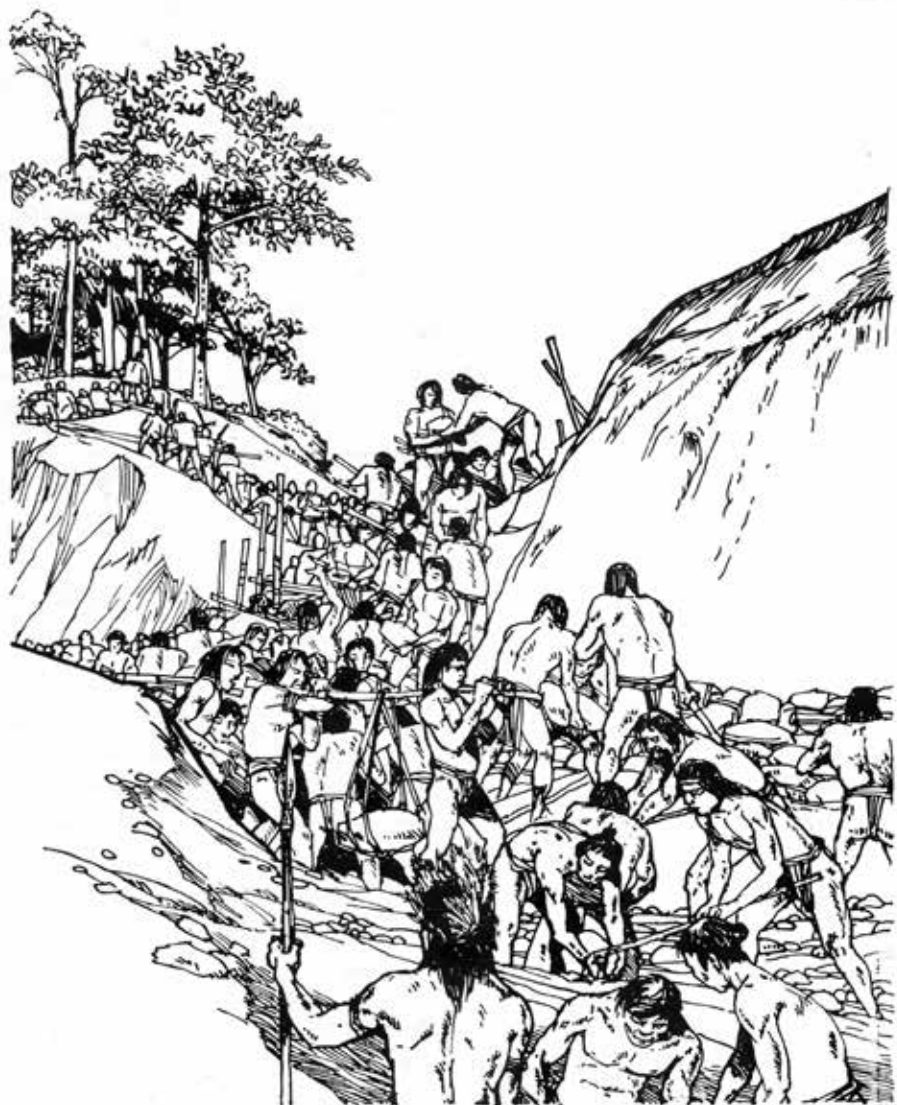
Thành Cổ Loa được các nhà khảo cổ học đánh giá là “tòa thành cổ nhất, quy mô lớn vào bậc nhất, cấu trúc cũng thuộc loại độc đáo nhất trong lịch sử xây dựng thành lũy ở nước ta”⁽⁴⁾.

Vào thời Âu Lạc, con người chỉ mới làm quen với một ít kỹ thuật sơ khai, công cụ lao động còn rất thô thiển, ít hiệu quả, tất cả công việc đều do bàn tay con người mà ra. Muốn xây được công trình với “quy mô lớn vào bậc nhất” này, phải có một số lượng khổng lồ đất đào đắp, đá kè và gốm rải, như vậy nhà nước Âu Lạc

hắn đã phải điều động một số nhân công rất lớn để lao động trong một thời gian rất dài mới có thể hoàn thành được. Các nhà khảo cổ học cho rằng đã phải có đến hàng vạn người làm việc hàng năm cho công trình này⁽⁵⁾. Khi xây thành, người xưa đã biết lợi dụng tối đa và khéo léo các địa hình tự nhiên. Họ tận dụng chiều cao của các đồi, gò, đắp thêm đất cao hơn để xây thêm hai bức tường thành phía ngoài, vì thế hai bức tường thành có đường nét uốn lượn theo địa hình chứ không bằng theo đường thẳng như bức tường thành trung tâm. Người xưa lại xây thành bên cạnh Hoàng Giang để dùng sông này vừa làm hào bảo vệ thành vừa là nguồn cung cấp nước cho toàn bộ hệ thống hào, vừa là con đường thủy quan trọng. Chiếc đầm Cả rộng lớn nằm ở phía đông cũng được tận dụng biến thành bến cảng làm nơi tụ họp cho đến cả hàng trăm thuyền bè. Chất liệu chủ yếu được dùng để xây thành là đất, sau đó là đá và gốm vỡ.

Đá được dùng để kè cho chân thành được vững chắc. Các đoạn thành ven sông, ven đầm được kè nhiều đá hơn các đoạn khác. Đá kè là loại đá tảng lớn, và đá cuội được chở tới từ các miền núi. Xen giữa đám đất đá là những lớp gốm được rải dày mỏng khác nhau, nhiều nhất là ở chân thành và rìa thành để chống sụt lở. Các cuộc khai quật khảo cổ học đã tìm thấy một số lượng gốm khổng lồ gồm ngói ống, ngói bản, đầu ngói, đỉnh ngói. Ngói có nhiều loại với độ nung khác nhau. Có cái được nung ở nhiệt độ thấp, có cái được nung rất cao gần như sành. Ngói được trang trí nhiều loại hoa văn ở một mặt hay hai mặt.

Tường thành phía ngoài được xây dựng đứng để gây khó khăn cho đối phương, còn mặt trong thì được xây thoải thoải để dễ dàng lên xuống.



Cảnh dân Âu Lạc đắp thành Cổ Loa

BA VÒNG THÀNH CỔ LOA



Hiện nay thành Cổ Loa có ba vòng thành, mỗi vòng thành được gọi bằng tên tương đương với vị trí của thành: thành ở trung tâm được gọi là thành Trong (hoặc thành Nội), bao ngoài thành Trong là thành Giữa (hoặc thành Trung). Vòng ngoài cùng được gọi là thành Ngoài (thành Ngoại).

Thành Trong có hình chữ nhật vuông vức và cân đối, nằm theo chính hướng đông – tây – nam - bắc, chu vi 1650m. Thành cao trung bình khoảng 5m, mặt thành rộng từ 6m đến 16m, chân thành rộng từ 20m đến 30m.

Trên mặt thành có đắp các ụ đất nhô ra ngoài rìa thành. Các ụ đất này được gọi là hỏa hồi. Có tất cả 12⁶ hỏa hồi đối xứng với nhau. Mỗi cạnh ngắn của thành có hai hỏa hồi giống nhau, mỗi cạnh dài có bốn hỏa hồi dài ngắn khác nhau. Các hỏa hồi dài được bố trí nằm ở gần góc, ở giữa là hai hỏa hồi ngắn hơn.

Thành Trong chỉ có một cửa trở ngay chính giữa tường thành phía nam, ắt hẳn là để kiểm soát cho chặt chẽ việc xuất thành, nhập thành.

Thành Trong dùng để bảo vệ khu cung cấm của An Dương Vương. Khu này ngày nay là đất Xóm Chùa, xã Cổ Loa. Nơi đây có đền thờ An Dương Vương và đình Cổ Loa.

Thành Giữa bao bọc thành Trong không có hình dáng rõ rệt vì người xưa đã tận dụng địa hình thiên nhiên bằng cách đắp nối các gò đất cao hoặc đắp men theo bờ của các đầm hồ. Chu vi khoảng 6500m. Chiều cao của thành trung bình từ 6m đến 12m. Đoạn cao nhất là gò Ông Voi ở vào góc đông bắc. Mặt thành rộng không đều, trung bình là 10m. Chân thành rộng gấp hai mặt thành.

Thành Giữa có năm cửa: cửa bắc, cửa tây bắc, cửa tây nam, cửa đông và cửa nam.

Cửa đông còn gọi là cửa Cống Song, đó là một con đường thủy nối đầm Cỏ với năm con rạch phía trong thành Giữa để cung cấp nước cho vòng hào của thành Trong.

Đặc biệt cửa nam là cửa chung của cả hai thành Giữa và thành Ngoài. Hai bức thành này, khi chạy về phía nam thì được đắp gần nhau và điểm gặp nhau được bố trí thành cửa chung. Đây là một điểm hiếm có trong lịch sử xây thành của Việt Nam. Cửa nam còn được gọi là trấn Nam Môn, là cửa chính và là mặt tiền của thành Cổ Loa nên có hai miếu thờ thần trấn cửa ở ngay trên mặt thành hai bên cửa.

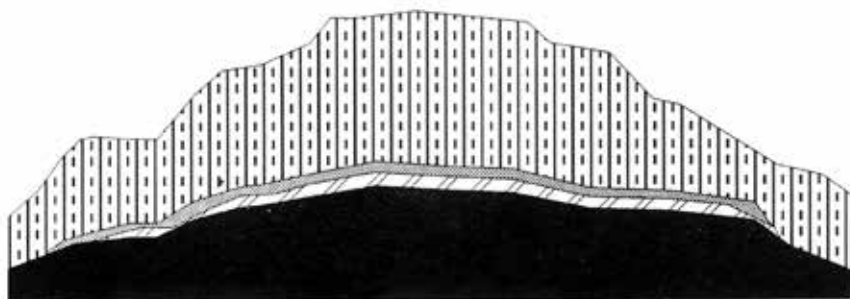
Khu đất nằm giữa thành Giữa và thành Ngoài được dùng làm chỗ ở cho quan lại. Như vậy nhà vua đã được bảo vệ rất kỹ càng.

Thành Ngoài cũng không có hình dáng rõ rệt như thành Giữa. Đây là vòng thành dài nhất, vào khoảng 8.000m. Cao từ 3m đến 4m. Đoạn cao nhất đến 8m, gọi là Gò Cột Cờ. Chân thành rộng từ 12m đến 20m.

Ngoài cửa nam là cửa chung với thành Giữa, thành Ngoài còn có cửa bắc (còn gọi là cửa Khâu), cửa tây nam và cửa đông. Các cửa này được bố trí chéo với các cửa của thành Giữa để gây thêm phần trắc trở cho việc nhập thành.

Cửa đông là con đường nước nối Hoàng Giang với cửa Cống Song để chảy vào thành Trong.

Khu đất giới hạn giữa thành Giữa và thành ngoài là nơi doanh trại của quân đội.



Mặt cắt thành Cổ Loa



Sét vàng , xám trắng
lẫn sạn la-te-rit



Sét vàng
lẫn sạn la-te-rit



Sét vàng , xám trắng
mịn pha cát



Laterit cổ



HỆ THỐNG HÀO NƯỚC

Mỗi vòng thành đều có hào nước bao quanh bên ngoài, hào rộng trung bình từ 10m đến 30m, có chỗ còn rộng hơn. Các vòng hào đều thông với nhau và thông với Hoàng Giang.

Hoàng Giang được dùng làm hào thiên nhiên cho thành Ngoài ở về phía tây nam và nam. Phần hào còn lại được đào sát chân tường thành từ Gò Cột Cờ cho đến đầm Cả. Con hào này nối với con hào của thành Giữa ở đầm Cả và Xóm Mít, chảy qua cửa Cống Song nối với năm con lạch có hình dáng như bàn tay xòe, và với một nhánh của con lạch này, nước chảy thông vào vòng hào của thành Trong.

Thuyền bè đi lại dễ dàng trên ba vòng hào để đến trú đậu ở đầm Cả hoặc ra Hoàng Giang và từ đó có thể tỏa đi khắp nơi. Theo truyền thuyết, An Dương Vương thường dùng thuyền đi khắp các hào rồi ra Hoàng Giang.

Ụ, LŨY

Trong cấu trúc chung của thành Cổ Loa còn có một yếu tố khác làm phong phú thêm tổng thể kiến trúc này. Đó là những gò đất dài hoặc tròn được đắp rải rác giữa các vòng thành hoặc nằm ngoài thành Ngoài. Ta không biết được có bao nhiêu ụ, lũy như thế, nhưng một số được dân chúng gọi là Dân, Đống Chuông, Đống Bắn... Các ụ lũy này được dùng làm công sự, có nhiệm vụ của những pháo đài tiền vệ, phối hợp với thành, hào trong việc bảo vệ và chiến đấu là một điểm đặc biệt của thành Cổ Loa.

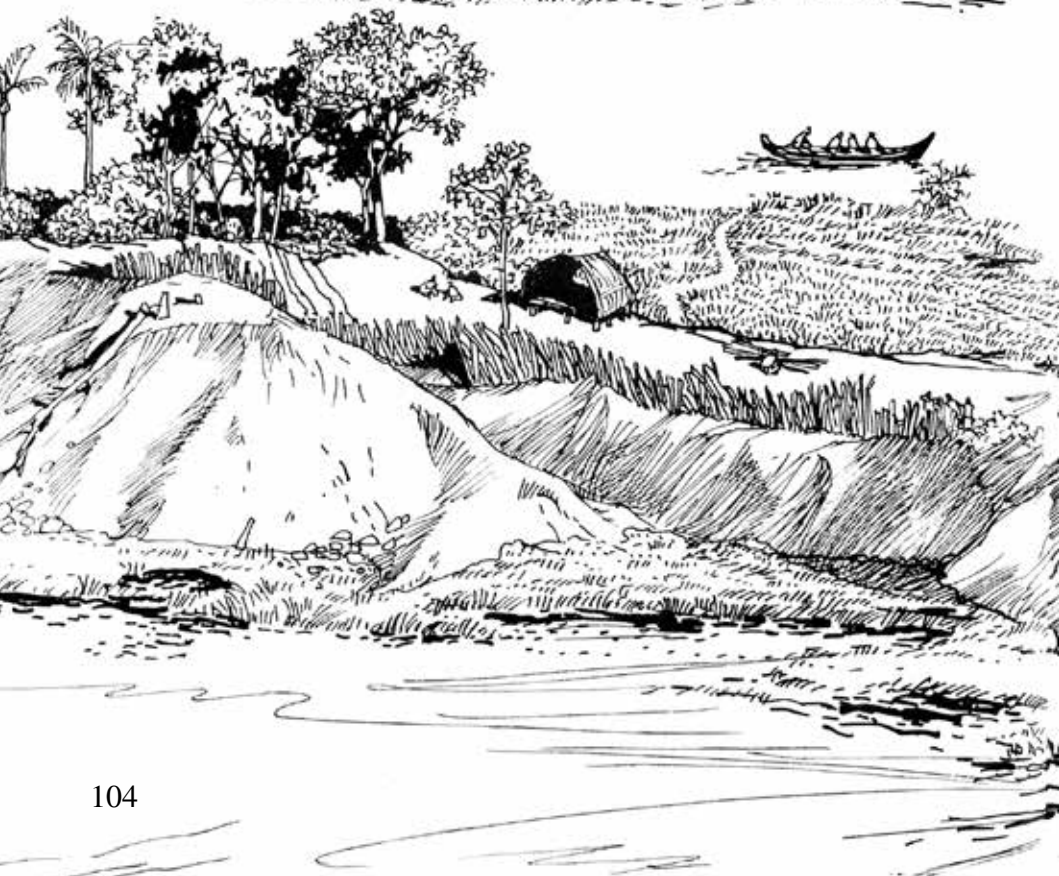
KẾT LUẬN

Về mặt quân sự, thành Cổ Loa thể hiện sự sáng tạo độc đáo của người Việt cổ trong công cuộc giữ nước và chống ngoại xâm.

Với các bức thành kiên cố, với hào sâu rộng cùng các ụ, lũy, Cổ Loa là một căn cứ phòng thủ vững chắc để bảo vệ vua, triều đình và kinh đô. Đồng thời là một căn cứ kết hợp hài hòa thủy binh cùng bộ binh. Nhờ ba vòng hào thông nhau dễ dàng, thủy binh có thể phối hợp cùng bộ binh để vận động trên bộ cũng như trên nước khi tác chiến.

Về mặt xã hội, với sự phân bố từng khu cư trú cho vua, quan, binh lính, thành Cổ Loa là một nhân chứng về sự phân hóa của xã hội thời ấy. Không như buổi đầu của thời đại Hùng Vương khi vua và dân còn cùng nhau đi cày, cùng nhau vui chơi; thời kỳ này không những vua quan đã tách khỏi dân chúng mà còn phải được bảo vệ chặt chẽ, sống gần như cô lập hẳn với cuộc sống bình thường. Xã hội đã có giai cấp rõ ràng và ắt hẳn cũng đã phải có sự phân biệt giàu nghèo, sang hèn.

Về mặt văn hóa, là một tòa thành cổ nhất còn để lại dấu tích của nước ta, Cổ Loa trở thành một di sản văn hóa vô cùng quý báu, một bằng chứng về óc sáng tạo, về trình độ kỹ thuật cũng như văn hóa của người Việt cổ. Đá kê chân thành, gốm rải rìa thành, hào nước quanh co, ụ lũy phức tạp, hỏa hồi chắc chắn và nhất là địa hình hiểm trở, ngoằn ngoèo, tất cả những điều này làm cho thành Ốc xứng đáng là biểu tượng sinh động cho tinh hoa truyền thống của dân tộc Việt Nam.





Chú thích:

- (1) Lịch sử Việt Nam, tập 1, Nhà xuất bản Đại Học và Trung Học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1983.
- (2) Làng Quây nay thuộc xã Liên Hà, huyện Đông Anh.
- (3) Lịch sử Việt Nam, tập 1, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội, 1971, tr.72. Bùi Thiết, Làng xã ngoại thành Hà Nội, 1985, tr.134.
- (4) Đỗ Văn Ninh, Thành Cổ Việt Nam, Nhà xuất bản Khoa Học Xã hội, Hà Nội, 1983, tr.28.
- (5) Lịch sử Việt Nam, tập 1, Ủy Ban Khoa Học Xã hội, 1971, tr.70.
- (6) Đỗ Văn Ninh, sđd, tr.35. Theo Lịch sử Việt Nam, tập 1, Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp, thì lại có tất cả 18 hỏa hổi (sđd, tr.203).

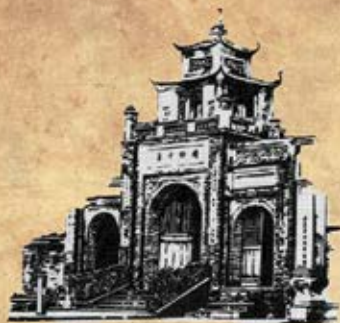
LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH
TẬP 5
NƯỚC ÂU LẠC

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT
Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT
Biên tập: CÚC HUONG
Biên tập tái bản: TÚ UYÊN
Bìa: BIÊN THÙY
Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN
Trình bày: BÙI NGHĨA

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ
Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,
Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596
Fax: (08) 38437450
E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn
Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 37734544
Fax: (04) 35123395
E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

CÔNG TY TNHH SÁCH ĐIỆN TỬ TRẺ (YBOOK)
161B Lý Chính Thắng, P.7, Q.3, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 35261001 - Fax: (08) 38437450
Email: info@ybook.vn
Website: www.ybook.vn



Phía bắc Văn Lang có nước Tây Âu. Thủ lĩnh nước ấy là Thục vương. Sau cuộc cầu hôn với Mỵ Nương không thành, ông vô cùng nhục nhã. Trước khi chết, Thục vương căn dặn con cháu phải rửa hờn. Đến thời Thục Phán, nước Tây Âu trở nên hùng mạnh. Trong khi ấy, Hùng Vương thứ mười tám lại lơ là việc nước, Văn Lang suy yếu dần. Thục Phán bèn đem quân đánh lấy Văn Lang, lập nên nước Âu Lạc.

Hiện vật thời Âu Lạc



Liễn đồng



Mũi tên đồng



Lắc nỏ